

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

.....



ISO 9001:2015

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên: Nguyễn Thị Kim Anh**  
**Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Văn Thụ**

**HẢI PHÒNG – 2020**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

.....

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO  
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY  
LẮP VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ THÀNH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Kim Anh  
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Văn Thụ**

**HẢI PHÒNG – 2020**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

.....

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Nguyễn Thị Kim Anh

Mã sinh viên: 1512401014

Lớp: QT1901K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty

Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
  - Trình bày các cơ sở lý luận về công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.
  - Phân tích thực trạng công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành
  - Đề ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
  - Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.
  - Quy chế, quy định về kế toán – tài chính tại doanh nghiệp
  - Hệ thống sổ kế toán liên quan đến công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành, sử dụng số liệu năm 2018.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp: Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành

# CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

## Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: *Nguyễn Văn Thụ*

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: *Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành*

## Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày ..... tháng ..... năm 2019

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày ..... tháng ..... năm 2020

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

**Nguyễn Thị Kim Anh**

**Ths.**

**Nguyễn Văn Thụ**

Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2020

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGUT Trần Hữu Nghị**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP**

Họ và tên giảng viên: *Nguyễn Văn Thụ*  
Đơn vị công tác: *Khoa Quản trị kinh doanh*  
Họ và tên sinh viên: *Nguyễn Thị Kim Anh* Chuyên ngành: *Kế toán - Kiểm toán*  
Đề tài tốt nghiệp: *Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành*  
Nội dung hướng dẫn: Hệ thống lý luận, nghiên cứu thực tế tại đơn vị từ đó đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành

**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp**

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết;  
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp;  
- Chủ động nghiên cứu, luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao cho.

**2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khoá luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)**

Bài viết của sinh viên *Nguyễn Thị Kim Anh* đã đáp ứng được yêu cầu của một khoá luận tốt nghiệp. Kết cấu của khoá luận được tác giả sắp xếp khoa học, hợp lý được chia làm 3 chương:

**Chương 1:** Trong chương này, tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề lý luận cơ bản về công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính trong doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định hiện hành.

**Chương 2:** Trong chương này, tác giả đã trình bày được khá chi tiết và cụ thể thực trạng công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty. Bài viết có số liệu minh họa cụ thể (Năm 2018). Số liệu minh họa trong bài viết chi tiết, phong phú và có tính logic cao.

**Chương 3:** Trong chương này, tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được các giải pháp hoàn thiện có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

**3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp**

Được bảo vệ  Không được bảo vệ  Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày 02 tháng 01 năm 2020

**Giảng viên hướng dẫn**

(Ký và ghi rõ họ tên)

*Ths. Nguyễn Văn Thụ*

**MỤC LỤC**

**LỜI MỞ ĐẦU.....1**

**CHƯƠNG I : MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA.....3**

1.1. Một số vấn đề chung về hệ thống Báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa..... 3

1.1.1. Sự cần thiết của Báo cáo tài chính trong doanh nghiệp nhỏ và vừa..... 3

1.1.2. Khái niệm, mục đích của Báo cáo tài chính trong doanh nghiệp nhỏ và vừa..... 3

1.1.3. Đối tượng, trách nhiệm lập báo cáo tài chính năm trong doanh nghiệp vừa và nhỏ..... 5

1.1.4. Hệ thống Báo cáo tài chính ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính..... 5

1.1.5. Yêu cầu đối với thông tin trình bày trong Báo cáo tài chính ..... 6

1.1.6. Nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo tài chính của doanh nghiệp..... 8

1.1.7. Trách nhiệm, kỳ lập và gửi báo cáo tài chính trong doanh nghiệp ..... 9

1.2. Báo cáo tình hình tài chính và phương pháp lập Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính. .... 11

1.2.1. Khái niệm và tác dụng của Báo cáo tình hình tài chính ..... 11

1.2.2. Nội dung và kết cấu của Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính..... 11

1.2.3. Căn cứ và phương pháp lập Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính..... 15

1.3. Phân tích Báo cáo tình hình tài chính. .... 26

1.3.1. Phương pháp phân tích Báo cáo tình hình tài chính..... 26

1.3.2. Nội dung của phân tích Báo cáo tình hình tài chính..... 27

**CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ THÀNH..... 32**

2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành ...	32
2.1.1. Quá trình xây dựng và phát triển của công ty.....	32
2.1.3. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý công ty .....	34
2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành .....	37
2.2 Thực trạng công tác lập Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành.....	41
2.2.1 Căn cứ lập Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành. ....	41
2.2.2 Trình tự lập Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành. ....	41
2.3 Thực trạng công tác phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành. ....	72
<b>CHƯƠNG III: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ THÀNH.....</b>	<b>73</b>
3.1. Những ưu điểm và hạn chế trong công tác kế toán nói chung và công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính nói riêng tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành.....	73
3.1.1. Ưu điểm: .....	73
3.1.2. Nhược điểm: .....	74
3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác lập phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành. ....	75
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>92</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>93</b>



**DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU**

Biểu 1.1 : Mẫu Báo cáo tình hình tài chính (Mẫu số B01a - DNN)..... 13

BIỂU 1.2: PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VÀ CƠ CẤU TÀI SẢN..28

BIỂU 1.3: PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VÀ CƠ CẤU NGUỒN VỐN.....29

Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành .....34

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành .....38

Sơ đồ 2.3. Sơ đồ trình tự kế toán theo hình thức nhật ký chung tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành .....40

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT.....44

Biểu số 2.2: Biên bản giao nhận hàng hóa .....45

Biểu số 2.3: Phiếu nhập kho .....46

Biểu số 2.4: Hóa đơn giá trị gia tăng .....47

Biểu số 2.5: Trích Sổ Nhật kí chung.....48

Biểu số 2.6: Trích Sổ cái TK 133. ....49

Biểu số 2.7: Trích Sổ cái TK 156. ....50

Biểu số 2.8: Trích Sổ cái TK 331. ....51

Biểu số 2.9 : Trích sổ cái tài khoản 131 .....52

Biểu số 2.10 : Trích sổ cái tài khoản 511 .....53

Biểu số 2.11 : Trích sổ cái tài khoản 333 .....54

Biểu số 2.12: Sổ cái TK 156.....56

Biểu số 2.13: Bảng tổng hợp Nhập – Xuất – Tồn hàng hóa.....57

Biểu số 2.14 : Trích sổ cái tài khoản 131 .....58

Biểu số 2.15: Bảng tổng hợp phải trả người bán .....59

Biểu số 2.16 : Trích sổ cái tài khoản 331 .....60

Biểu số 2.17: Bảng tổng hợp phải trả người bán .....61

Biểu 2.13. Báo cáo tình hình tài chính của Công ty năm 2018..... 70

Biểu số 3.1: Phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản của Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành..... 78

Biểu số 3.2: Phân tích tình hình biến động và cơ cấu nguồn vốn của Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành. .... 82

Biểu 3.3: Phân tích một số chỉ tiêu tài chính cơ bản. .... 85

## LỜI MỞ ĐẦU

Đất nước ta đang chuyển sang một thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập kinh tế quốc tế, các doanh nghiệp đang hoạt động trong nền kinh tế mở với cơ chế thị trường, mở rộng sản xuất hàng hoá nhiều thành phần có sự quản lý của Nhà Nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Lập Báo cáo tình hình tài chính và phân tích tình hình tài chính thông qua Báo cáo tình hình tài chính sẽ giúp cho các doanh nghiệp và các cơ quan khác thấy rõ thực trạng hoạt động tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp cũng như xác định được một cách đầy đủ, đúng đắn nguyên nhân và mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến hiệu quả sản xuất kinh doanh, rủi ro và triển vọng phát triển trong tương lai của doanh nghiệp để họ có thể đưa ra các giải pháp hữu hiệu, những quyết định chính xác nhằm nâng cao chất lượng công tác quản lý kinh tế, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Nhận thấy được vị trí và tầm quan trọng đó, trong thời gian tìm hiểu thực tế ở Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành, dưới sự hướng dẫn của tập thể nhân viên phòng Tài chính - Kế toán tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành và đặc biệt là sự hướng dẫn của Thạc sĩ Nguyễn Văn Thụ, em đã mạnh dạn đi sâu vào nghiên cứu đề tài: "***Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành***".

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung khóa luận được chia thành 3 chương:

Chương I: Một số vấn đề lý luận về công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Chương II: Thực trạng công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành.

Chương III: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành.

Bài khoá luận của em được hoàn thành là nhờ sự giúp đỡ nhiệt tình, tạo điều kiện của ban lãnh đạo các cô, bác ở trong Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành, đặc biệt là sự chỉ bảo tận tình của Thạc sĩ Nguyễn Văn Thụ. Tuy nhiên, do còn hạn chế nhất định về trình độ và thời gian nên bài viết của em sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy em rất mong sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô để bài khoá luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải phòng, ngày 03 tháng 01 năm 2020

Sinh viên

Nguyễn Thị Kim Anh

## **CHƯƠNG I:**

# **MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA**

## **1.1. Một số vấn đề chung về hệ thống Báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa.**

### ***1.1.1. Sự cần thiết của Báo cáo tài chính trong doanh nghiệp nhỏ và vừa***

- Đối với Nhà nước, Báo cáo tài chính cung cấp thông tin cần thiết giúp cho việc thực hiện chức năng quản lý vĩ mô của Nhà nước đối với nền kinh tế, đối với hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời làm cơ sở cho việc tính thuế và các khoản phải nộp của doanh nghiệp đối với ngân sách Nhà nước.

- Đối với nhà quản lý doanh nghiệp : Các nhà quản lý thường cạnh tranh với nhau để tìm kiếm nguồn vốn, cố gắng thuyết phục với các nhà đầu tư, các chủ nợ rằng họ sẽ đem lại mức lợi nhuận cao nhất với độ rủi ro thấp nhất. Để thực hiện được điều này, các nhà quản lý phải công bố công khai những thông tin trên Báo cáo tài chính định kỳ về hoạt động của doanh nghiệp. Ngoài ra, nhà quản lý còn sử dụng Báo cáo tài chính để tiến hành quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình.

- Đối với các nhà đầu tư, các chủ nợ: Nhìn chung các nhà đầu tư và các chủ nợ đòi hỏi Báo cáo tài chính vì hai lý do, họ cần các thông tin tài chính để giám sát, và cần các thông tin tài chính để thực hiện các quyết định đầu tư cho vay của họ.

- Đối với kiểm toán viên độc lập: Các nhà đầu tư và cung cấp thông tin tín dụng có lý do để lo lắng rằng các nhà quản lý có thể bóp méo các Báo cáo tài chính do họ cung cấp nhằm mục đích kiếm nguồn vốn hoạt động. Vì vậy các nhà đầu tư và tín dụng đòi hỏi các nhà quản lý phải bỏ tiền ra thuê các kiểm toán viên độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính, các nhà quản lý đương nhiên phải chấp nhận vì họ cần vốn. Như vậy báo cáo tài chính đóng vai trò như là đối tượng của kiểm toán độc lập.

### ***1.1.2. Khái niệm, mục đích của Báo cáo tài chính trong doanh nghiệp nhỏ***

**và vừa**

❖ *Khái niệm Báo cáo tài chính trong doanh nghiệp nhỏ và vừa*

Báo cáo tài chính là những báo cáo kế toán tổng hợp phản ánh tổng quát tình hình tài sản, nguồn vốn chủ sở hữu, công nợ cũng như doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh và các thông tin tổng quát khác về doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

*Báo cáo tài chính hiện hành bao gồm :*

+ Báo cáo tình hình tài chính là một Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh tình hình tài sản của doanh nghiệp thông qua thước đo tiền tệ, tại một thời điểm nhất định theo giá trị và nguồn hình thành tài sản.

+ Báo cáo kết quả kinh doanh là một báo cáo kế toán tài chính phản ánh tóm lược các khoản doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong thời kỳ nhất định. Ngoài ra báo cáo kết quả kinh doanh còn kết hợp phản ánh tình hình thực hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với nhà nước về các khoản thuế, phí và lệ phí.

+ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là một Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh khái quát dòng chảy tiền tệ của doanh nghiệp, cho biết tiền tệ sinh ra bằng cách nào và được sử dụng ra sao.

+ Thuyết minh Báo cáo tài chính là một Báo cáo tài chính tổng hợp nhằm giải thích bằng lời, bằng số liệu một số chỉ tiêu đã được phản ánh trên Báo cáo tài chính khác.

❖ *Mục đích của Báo cáo tài chính*

+ Báo cáo tài chính dùng để cung cấp thông tin về tình hình tài chính, tình hình kinh doanh và các luồng tiền của một doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu quản lý của chủ doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước và nhu cầu hữu ích của những người sử dụng trong việc đưa ra các quyết định kinh tế. Báo cáo tài chính phải cung cấp những thông tin của một doanh nghiệp về:

- Tài sản;
- Nợ phải trả;
- Vốn chủ sở hữu;

- Doanh thu, thu nhập khác, chi phí sản xuất kinh doanh và chi phí khác;

- Lãi, lỗ và phân chia kết quả kinh doanh.

+ Ngoài các thông tin này, doanh nghiệp còn phải cung cấp các thông tin khác trong “Bản thuyết minh Báo cáo tài chính” nhằm giải trình thêm về các chỉ tiêu đã phản ánh trên các Báo cáo tài chính và các chính sách kế toán đã áp dụng để ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### ***1.1.3. Đối tượng, trách nhiệm lập báo cáo tài chính năm trong doanh nghiệp vừa và nhỏ***

+ Đối tượng lập Báo cáo tài chính năm:

Hệ thống Báo cáo tài chính năm được áp dụng cho tất cả các loại hình doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực và mọi thành phần kinh tế. Riêng các doanh nghiệp vừa và nhỏ vẫn tuân thủ các quy định chung và những quy định, hướng dẫn cụ thể phù hợp với doanh nghiệp vừa và nhỏ tại chế độ kế toán của doanh nghiệp vừa và nhỏ.

+ Việc ký Báo cáo tài chính phải thực hiện theo quy định của Luật Kế toán. Trường hợp doanh nghiệp không tự lập Báo cáo tài chính mà thuê đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán lập Báo cáo tài chính, người hành nghề thuộc các đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán phải ký và ghi rõ số giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán trên báo cáo tài chính của đơn vị.

### ***1.1.4. Hệ thống Báo cáo tài chính ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính.***

+ Hệ thống báo cáo tài chính năm áp dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng giả định hoạt động liên tục bao gồm:

- Báo cáo bắt buộc:

Báo cáo tình hình tài chính	Mẫu số B01a - DNN
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Mẫu số B02 - DNN
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	Mẫu số B09 - DNN

Tùy theo đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý, doanh nghiệp có thể lựa chọn lập Báo cáo tình hình tài chính theo Mẫu số B01b - DNN thay cho Mẫu số B01a - DNN.

Báo cáo tài chính gửi cho cơ quan thuế phải lập và gửi thêm Bảng cân đối tài khoản (Mẫu số F01 - DNN).

- Báo cáo không bắt buộc mà khuyến khích lập:

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Mẫu số B03 - DNN

+ Hệ thống báo cáo tài chính năm áp dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa không đáp ứng giả định hoạt động liên tục bao gồm:

- Báo cáo bắt buộc:

Báo cáo tình hình tài chính Mẫu số B01 - DNNKLT

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Mẫu số B02 - DNN

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Mẫu số B09 - DNNKLT

- Báo cáo không bắt buộc mà khuyến khích lập:

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Mẫu số B03 - DNN

+ Hệ thống báo cáo tài chính năm bắt buộc áp dụng cho các doanh nghiệp siêu nhỏ bao gồm:

Báo cáo tình hình tài chính Mẫu số B01 - DNSN

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Mẫu số B02 - DNSN

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Mẫu số B09 - DNSN

Khi lập báo cáo tài chính, các doanh nghiệp phải tuân thủ biểu mẫu báo cáo tài chính theo quy định. Trong quá trình áp dụng, nếu thấy cần thiết, các doanh nghiệp có thể sửa đổi, bổ sung báo cáo tài chính cho phù hợp với từng lĩnh vực hoạt động và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp nhưng phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.

Ngoài ra, doanh nghiệp có thể lập thêm các báo cáo khác để phục vụ yêu cầu quản lý, chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị.

+ Nội dung, phương pháp lập và trình bày các chỉ tiêu trong từng báo cáo được áp dụng thống nhất cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

### ***1.1.5. Yêu cầu đối với thông tin trình bày trong Báo cáo tài chính***



+ Thông tin trình bày trên báo cáo tài chính phải đầy đủ, khách quan, không có sai sót để phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, tình hình và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Thông tin được coi là đầy đủ khi bao gồm tất cả các thông tin cần thiết để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu được bản chất, hình thức và rủi ro của các giao dịch và sự kiện. Đối với một số khoản mục, việc trình bày đầy đủ còn phải mô tả thêm các thông tin về chất lượng, các yếu tố và tình huống có thể ảnh hưởng tới chất lượng và bản chất của khoản mục.

- Trình bày khách quan là không thiên vị khi lựa chọn hoặc mô tả các thông tin tài chính. Trình bày khách quan phải đảm bảo tính trung lập, không chú trọng, nhấn mạnh hoặc giảm nhẹ cũng như có các thao tác khác làm thay đổi mức độ ảnh hưởng của thông tin tài chính là có lợi hoặc không có lợi cho người sử dụng Báo cáo tài chính.

- Không sai sót có nghĩa là không có sự bỏ sót trong việc mô tả hiện tượng và không có sai sót trong quá trình cung cấp các thông tin báo cáo được lựa chọn và áp dụng. Không sai sót không có nghĩa là hoàn toàn chính xác trong tất cả các khía cạnh, ví dụ, việc ước tính các loại giá cả và giá trị không quan sát được khó xác định là chính xác hay không chính xác. Việc trình bày một ước tính được coi là trung thực nếu giá trị ước tính được mô tả rõ ràng, bản chất và các hạn chế của quá trình ước tính được giải thích và không có sai sót trong việc lựa chọn số liệu phù hợp trong quá trình ước tính.

+ Thông tin tài chính phải thích hợp để giúp người sử dụng Báo cáo tài chính dự đoán, phân tích và đưa ra các quyết định kinh tế.

+ Thông tin tài chính phải được trình bày đầy đủ trên mọi khía cạnh trọng yếu. Thông tin được coi là trọng yếu trong trường hợp nếu thiếu thông tin hoặc thông tin thiếu chính xác có thể làm ảnh hưởng tới quyết định của người sử dụng thông tin tài chính của đơn vị báo cáo. Tính trọng yếu dựa vào bản chất và độ lớn, hoặc cả hai, của các khoản mục có liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính của một đơn vị cụ thể.

+ Thông tin tài chính phải đảm bảo có thể kiểm chứng, kịp thời và dễ



hiều.

+ Thông tin tài chính phải được trình bày nhất quán và có thể so sánh giữa các kỳ kế toán; So sánh được giữa các doanh nghiệp nhỏ và vừa với nhau.

+ Các chỉ tiêu không có số liệu được miễn trình bày trên Báo cáo tài chính. Doanh nghiệp được chủ động đánh lại số thứ tự của các chỉ tiêu theo nguyên tắc liên tục trong mỗi phần.

#### **1.1.6. Nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo tài chính của doanh nghiệp.**

+ Báo cáo tài chính phải phản ánh đúng bản chất kinh tế của các giao dịch và sự kiện hơn là hình thức pháp lý của các giao dịch và sự kiện đó (tôn trọng bản chất hơn hình thức).

+ Tài sản không được ghi nhận cao hơn giá trị có thể thu hồi; Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

+ Phân loại tài sản và nợ phải trả: Tài sản và nợ phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính được trình bày theo tính thanh khoản giảm dần hoặc trình bày thành ngắn hạn và dài hạn. Riêng Báo cáo tình hình tài chính của doanh nghiệp siêu nhỏ được trình bày theo tính thanh khoản giảm dần.

+ Trường hợp Báo cáo tình hình tài chính trình bày thành ngắn hạn và dài hạn:

Trên Báo cáo tình hình tài chính, các khoản mục Tài sản và Nợ phải trả phải được trình bày riêng biệt thành ngắn hạn và dài hạn, tùy theo thời hạn của chu kỳ kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, cụ thể như sau:

- Đối với doanh nghiệp có chu kỳ kinh doanh thông thường trong vòng 12 tháng, thì Tài sản và Nợ phải trả được phân thành ngắn hạn và dài hạn theo nguyên tắc sau:

Tài sản và Nợ phải trả được thu hồi hay thanh toán trong vòng không quá 12 tháng tính kể từ thời điểm báo cáo được xếp vào loại ngắn hạn;

Tài sản và Nợ phải trả được thu hồi hay thanh toán từ 12 tháng trở lên kể từ thời điểm báo cáo được xếp vào loại dài hạn.

- Đối với doanh nghiệp có chu kỳ kinh doanh thông thường dài hơn 12

tháng thì Tài sản và Nợ phải trả được phân thành ngắn hạn và dài hạn theo điều kiện sau:

Tài sản và Nợ phải trả được thu hồi hay thanh toán trong vòng một chu kỳ kinh doanh bình thường được xếp vào loại ngắn hạn;

Tài sản và Nợ phải trả được thu hồi hay thanh toán trong thời gian dài hơn một chu kỳ kinh doanh thông thường được xếp vào loại dài hạn.

Trường hợp này, doanh nghiệp phải thuyết minh rõ đặc điểm xác định chu kỳ kinh doanh thông thường, thời gian bình quân của chu kỳ kinh doanh thông thường, các bằng chứng về chu kỳ sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp cũng như của ngành, lĩnh vực mà doanh nghiệp hoạt động.

- Đối với các doanh nghiệp do tính chất hoạt động không thể dựa vào chu kỳ kinh doanh để phân biệt giữa ngắn hạn và dài hạn, thì các Tài sản và Nợ phải trả được trình bày như điểm a mục này.

+ Tài sản và nợ phải trả phải được trình bày riêng biệt. Chỉ thực hiện bù trừ khi tài sản và nợ phải trả liên quan đến cùng một đối tượng, phát sinh từ các giao dịch và sự kiện cùng loại.

+ Các khoản mục doanh thu, thu nhập, chi phí phải được trình bày theo nguyên tắc phù hợp và đảm bảo nguyên tắc thận trọng. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ phản ánh các khoản mục doanh thu, thu nhập, chi phí và luồng tiền của kỳ báo cáo. Các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí của các kỳ trước có sai sót làm ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền phải được điều chỉnh hồi tố bằng cách báo cáo lại trên cột thông tin so sánh, không điều chỉnh vào kỳ báo cáo. Riêng doanh nghiệp siêu nhỏ được điều chỉnh sai sót của các kỳ trước vào kỳ phát hiện sai sót.

#### ***1.1.7. Trách nhiệm, kỳ lập và gửi báo cáo tài chính trong doanh nghiệp***

+ *Trách nhiệm, thời hạn lập và gửi báo cáo tài chính:*

- Tất cả các doanh nghiệp nhỏ và vừa phải lập và gửi báo cáo tài chính năm chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính cho các cơ quan có liên quan theo quy định.

- Ngoài việc lập báo cáo tài chính năm, các doanh nghiệp có thể lập báo cáo tài chính hàng tháng, quý để phục vụ yêu cầu quản lý và điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

*+ Kỳ lập báo cáo tài chính*

- Các doanh nghiệp phải lập báo cáo tài chính theo kỳ kế toán năm là năm dương lịch hoặc kỳ kế toán năm là 12 tháng tròn sau khi thông báo cho cơ quan thuế. Trường hợp đặc biệt, doanh nghiệp được phép thay đổi ngày kết thúc kỳ kế toán năm dẫn đến việc lập Báo cáo tài chính cho một kỳ kế toán năm đầu tiên hay kỳ kế toán năm cuối cùng có thể ngắn hơn hoặc dài hơn 12 tháng nhưng không được vượt quá 15 tháng.

- Kỳ lập Báo cáo tài chính giữa niên độ là quý (Không bao gồm quý 4).

- Ngoài ra các DN còn có thể lập Báo cáo tài chính theo kỳ kế toán tháng, 6 tháng, 9 tháng... tùy theo yêu cầu của chủ sở hữu.

*+ Nơi nhận báo cáo tài chính năm được quy định như sau:*

Các doanh nghiệp nộp báo cáo tài chính năm cho cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan Thống kê.

Các doanh nghiệp (kể cả các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) có trụ sở nằm trong khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao thì ngoài việc nộp Báo cáo tài chính năm cho các cơ quan theo quy định (Cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thống kê) còn phải nộp Báo cáo tài chính năm cho Ban quản lý khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao nếu được yêu cầu.

**Nơi nhận Báo cáo tài chính.**

CÁC LOẠI DOANH NGHIỆP	Kỳ lập báo cáo	Nơi nhận báo cáo				
		Cơ quan tài chính	Cơ quan thuế	Cơ quan thống kê	Doanh nghiệp cấp trên	Cơ quan đăng ký kinh doanh
1. Doanh nghiệp Nhà nước	Quý, năm	x	x	x	X	x
2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Năm	x	x	x	X	x
3. Các loại doanh nghiệp khác	Năm		x	x	X	x

## **1.2. Báo cáo tình hình tài chính và phương pháp lập Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính.**

### **1.2.1. Khái niệm và tác dụng của Báo cáo tình hình tài chính**

#### **❖ Khái niệm của Báo cáo tình hình tài chính:**

Báo cáo tình hình tài chính là một Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh tình hình tài sản của DN thông qua thước đo tiền tệ, tại một thời điểm nhất định theo giá trị và nguồn hình thành tài sản.

Báo cáo tình hình tài chính liệt kê các tài sản mà công ty sở hữu và nguồn hình thành lên tài sản đó: Các nghĩa vụ nợ và vốn (chủ sở hữu hay cổ đông).

Báo cáo tình hình tài chính cũng giúp người đọc đo lường hiệu quả hoạt động của công ty về khía cạnh đầu tư và sử dụng các nguồn lực tài chính.

#### **❖ Tác dụng của Báo cáo tình hình tài chính:**

- Cung cấp số liệu cho việc phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp.
- Thông qua số liệu trên Báo cáo tình hình tài chính cho biết tình hình tài sản, nguồn hình thành tài sản của doanh nghiệp đến thời điểm lập báo cáo.
- Căn cứ vào Báo cáo tình hình tài chính có thể đưa ra nhận xét, đánh giá khái quát chung tình hình tài chính của doanh nghiệp, cho phép đánh giá một số chỉ tiêu kinh tế tài chính Nhà nước của doanh nghiệp.
- Thông qua số liệu trên Báo cáo tình hình tài chính có thể kiểm tra việc chấp hành các chế độ kinh tế, tài chính của doanh nghiệp.

### **1.2.2. Nội dung và kết cấu của Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính.**

#### **1.2.2.1. Nội dung của Báo cáo tình hình tài chính :**

Báo cáo tình hình tài chính gồm hai phần (hai bên - xét về mặt hình thức) được phản ánh theo hai chỉ tiêu cơ bản.

- Số cuối năm: Là số dư cuối kỳ của các tài khoản tương ứng của kỳ báo cáo.
- Số đầu năm: Là số cuối năm trước chuyển sang, số đầu năm không đổi trong suốt cả kỳ kế toán năm.

#### **1.2.3.2. Kết cấu của Báo cáo tình hình tài chính**

Báo cáo tình hình tài chính có thể kết cấu:

- Theo chiều ngang (kết cấu dạng tài khoản): Bên trái là Tài sản, bên phải là Nguồn vốn.

- Theo chiều dọc (kết cấu dạng báo cáo): Bên trên là Tài sản, bên dưới là Nguồn vốn.

Nhưng dù kết cấu nào thì Báo cáo tình hình tài chính cũng được chia làm hai phần:

- Phần Tài sản: Phản ánh toàn bộ giá trị tài sản hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo.

- Phần Nguồn vốn: Phản ánh toàn bộ nguồn hình thành tài sản của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo.

**Biểu 1.1 : Mẫu Báo cáo tình hình tài chính (Mẫu số B01a - DNN)**

Đơn vị báo cáo: .....

Mẫu số B01a - DNN

Địa chỉ: .....

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC  
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày... tháng ... năm ...

Đơn vị tính: .....

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>			
<b>II. Đầu tư tài chính</b>	<b>120</b>			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	122			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	123			
4. Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính (*)	124		(...)	(...)
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>			
1. Phải thu của khách hàng	131			
2. Trả trước cho người bán	132			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	133			
4. Phải thu khác	134			
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	135			
6. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	136		(...)	(...)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>			
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		(...)	(...)
<b>V. Tài sản cố định</b>	<b>150</b>			
- Nguyên giá	151			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	152		(...)	(...)
<b>VI. Bất động sản đầu tư</b>	<b>160</b>			
- Nguyên giá	161			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	162		(...)	(...)
<b>VII. XDCB dở dang</b>	<b>170</b>			
<b>VIII. Tài sản khác</b>	<b>180</b>			
1. Thuế GTGT được khấu trừ	181			
2. Tài sản khác	182			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> <b>(200=110+120+130+140+150+160+170+180)</b>	<b>200</b>			

<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>I. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>			
1. Phải trả người bán	311			
2. Người mua trả tiền trước	312			
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313			
4. Phải trả người lao động	314			
5. Phải trả khác	315			
6. Vay và nợ thuê tài chính	316			
7. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	317			
8. Dự phòng phải trả	318			
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	319			
10. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	320			
<b>II. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>			
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414	(...)	(...)	
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415			
6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	416			
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> <b>(500=300+400)</b>	<b>500</b>			

*Lập, ngày ... tháng ... năm ...*

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

*(Ký, họ tên)*

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

*(Ký, họ tên)*

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**Ghi chú:**

(1) Những chỉ tiêu không có số liệu được miễn trình bày nhưng không được đánh lại “Mã số” chỉ tiêu.

(2) Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (\*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

(3) Đối với doanh nghiệp có kỳ kế toán năm là năm dương lịch (X) thì “Số cuối năm” có thể ghi là “31.12.X”; “Số đầu năm” có thể ghi là “01.01.X”.

(4) Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.

### **1.2.3. Căn cứ và phương pháp lập Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính**

#### **1.2.3.1. Cơ sở lập Báo cáo tình hình tài chính**

- Căn cứ vào sổ kế toán tổng hợp;
- Căn cứ vào sổ, thẻ kế toán chi tiết hoặc Bảng tổng hợp chi tiết; Bảng cân đối tài khoản.
- Căn cứ vào Báo cáo tình hình tài chính năm trước (để trình bày cột đầu năm).

#### **1.2.3.2 Trình tự lập Báo cáo tình hình tài chính**

- Bước 1: Kiểm soát các chứng từ phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ.
- Bước 2: Đối chiếu số liệu từ các sổ kế toán và tính số dư các tài khoản.
- Bước 3: Thực hiện các bút toán kết chuyển trung gian và thực hiện khóa sổ kế toán chính thức.
- Bước 4: Lập Bảng cân đối tài khoản.
- Bước 5: Lập Báo cáo tình hình tài chính theo mẫu (B01a – DNN)
- Bước 6: Kiểm tra và ký duyệt.

#### **1.2.3.3. Phương pháp lập Báo cáo tình hình tài chính**

- Số hiệu ghi ở cột 2 "Mã số" dùng để cộng khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Số hiệu ghi ở cột 3 "Thuyết minh" của báo cáo này là số liệu các chỉ tiêu trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm thể hiện số liệu chi tiết của các chi tiết các chỉ tiêu này trong Báo cáo tình hình tài chính.
- Số liệu ghi vào cột 4 "Số cuối năm" của báo cáo này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm nay (lấy số dư cuối kỳ của các tài khoản tổng hợp và chi tiết phù hợp với từng chỉ tiêu trong Báo cáo tình hình tài chính để ghi).
- Số hiệu ghi vào cột 5 "Số đầu năm" của báo cáo này năm nay được căn cứ vào số liệu ghi ở cột 4 "Số cuối năm" của từng chỉ tiêu tương ứng của báo cáo này năm trước.

#### **Phương pháp lập các chỉ tiêu cụ thể trên Báo cáo tình hình tài chính:**

##### **Phần: TÀI SẢN**



## ***I. Tiền và các khoản tương đương tiền (Mã số 110)***

Chỉ tiêu này phản ánh toàn bộ tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Nợ của các TK 111, 112, số dư Nợ chi tiết của TK 1281 (chi tiết các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) và TK 1288 (chi tiết các khoản đủ tiêu chuẩn phân loại là tương đương tiền).

Ngoài ra, trong quá trình lập báo cáo, nếu nhận thấy các khoản mục được phản ánh ở các tài khoản khác thỏa mãn định nghĩa tương đương tiền thì kế toán được phép trình bày trong chỉ tiêu này. Các khoản tương đương tiền có thể bao gồm: Kỳ phiếu ngân hàng, tín phiếu kho bạc,...

Các khoản trước đây được phân loại là tương đương tiền nhưng quá hạn chưa thu hồi được phải chuyển sang trình bày tại các chỉ tiêu khác, phù hợp với nội dung của từng khoản mục.

Khi phân tích các chỉ tiêu tài chính, ngoài các khoản tương đương tiền trình bày trong chỉ tiêu này, kế toán có thể coi tương đương tiền bao gồm cả các khoản có thời hạn thu hồi còn lại dưới 3 tháng kể từ ngày báo cáo (nhưng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng) có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

## ***II. Đầu tư tài chính (Mã số 120)***

Các khoản đầu tư tài chính được phản ánh trong chỉ tiêu này không bao gồm các khoản đầu tư đã được trình bày trong chỉ tiêu “Tiền và các khoản tương đương tiền” (Mã số 110) và các khoản phải thu về cho vay đã được trình bày trong chỉ tiêu “Phải thu khác” (Mã số 134).

Mã số 120 = Mã số 121 + Mã số 122 + Mã số 123 + Mã số 124.

### ***1. Chứng khoán kinh doanh (Mã số 121)***

Chỉ tiêu này phản ánh giá trị các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh tại thời điểm báo cáo (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chỉ tiêu này có thể bao

gồm cả các công cụ tài chính không được chứng khoán hóa, ví dụ như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi... nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của TK 121.

#### *2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Mã số 122)*

Chỉ tiêu này phản ánh các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại thời điểm báo cáo, như tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, thương phiếu và các loại chứng khoán nợ khác. Chỉ tiêu này không bao gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đã được trình bày trong chỉ tiêu “Tiền và các khoản tương đương tiền” (Mã số 110), và các khoản phải thu về cho vay đã được trình bày trong chỉ tiêu “Phải thu khác” (Mã số 134).

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ chi tiết của các TK 1281, 1288.

#### *3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Mã số 123)*

Chỉ tiêu này phản ánh các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư khác.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của TK 228.

#### *4. Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính (Mã số 124)*

Chỉ tiêu này phản ánh khoản dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của các TK 2291, 2292 và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

### **III. Các khoản phải thu (Mã số 130)**

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ giá trị của các khoản phải thu tại thời điểm báo cáo, như: Phải thu của khách hàng, trả trước cho người bán, vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc, phải thu khác, tài sản thiếu chờ xử lý sau khi đã trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Mã số 130 = Mã số 131 + Mã số 132 + Mã số 133 + Mã số 134 + Mã số 135 + Mã số 136.

#### *1. Phải thu của khách hàng (Mã số 131)*

Chỉ tiêu này phản ánh số tiền còn phải thu của khách hàng tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Nợ chi tiết của TK 131 mở theo từng khách hàng.

### *2. Trả trước cho người bán (Mã số 132)*

Chỉ tiêu này phản ánh số tiền đã trả trước cho người bán để mua tài sản, dịch vụ nhưng chưa nhận được tài sản, dịch vụ tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Nợ chi tiết của TK 331 mở theo từng người bán.

### *3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc (Mã số 133)*

Chỉ tiêu này chỉ ghi trên Báo cáo tình hình tài chính của đơn vị cấp trên phản ánh số vốn kinh doanh đã giao cho các đơn vị hạch toán phụ thuộc. Khi lập Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp của toàn doanh nghiệp, chỉ tiêu này được bù trừ với chỉ tiêu “Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh” (Mã số 317) hoặc chỉ tiêu "Vốn góp của chủ sở hữu" (Mã số 411) trên Báo cáo tình hình tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc, chi tiết phần vốn nhận của đơn vị cấp trên.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Nợ của TK 1361.

### *4. Phải thu khác (Mã số 134)*

Chỉ tiêu này phản ánh các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, như: Phải thu nội bộ khác ngoài phải thu về vốn kinh doanh; phải thu về cho vay, phải thu về các khoản đã chi hộ; phải thu về tiền lãi, cổ tức được chia, các khoản tạm ứng; các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tạm thời,... mà doanh nghiệp được quyền thu hồi.

Khi đơn vị cấp trên lập Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp với đơn vị cấp dưới hạch toán phụ thuộc, khoản phải thu nội bộ khác trong chỉ tiêu này được bù trừ với khoản phải trả nội bộ khác trong chỉ tiêu “Phải trả khác” (Mã số 315) trên Báo cáo tình hình tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ chi tiết của các TK 1288

(phải thu về cho vay), 1368, 1386, 1388, 334, 338, 141.

*5. Tài sản thiếu chờ xử lý (Mã số 135)*

Chỉ tiêu này phản ánh các tài sản thiếu hụt, mất mát chưa rõ nguyên nhân đang chờ xử lý tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ TK 1381.

*6. Dự phòng phải thu khó đòi (Mã số 136)*

Chỉ tiêu này phản ánh khoản dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 2293 và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

***IV. Hàng tồn kho (Mã số 140)***

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ giá trị hiện có các loại hàng tồn kho dự trữ cho quá trình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp (sau khi trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho) tại thời điểm báo cáo.

Mã số 140 = Mã số 141 + Mã số 142.

*1. Hàng tồn kho (Mã số 141)*

Chỉ tiêu này phản ánh tổng giá trị của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của các TK 151, 152, 153, 154, 155, 156, 157.

*2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Mã số 142)*

Chỉ tiêu này phản ánh khoản dự phòng giảm giá của các loại hàng tồn kho tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 2294 và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

***V. Tài sản cố định (Mã số 150)***

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ giá trị còn lại của các loại tài sản cố định tại thời điểm báo cáo.

Mã số 150 = Mã số 151 + Mã số 152.

+ Nguyên giá (Mã số 151)

Chỉ tiêu này phản ánh toàn bộ nguyên giá các loại tài sản cố định tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của TK 211.

+ *Giá trị hao mòn lũy kế (Mã số 152)*

Chỉ tiêu này phản ánh toàn bộ giá trị đã hao mòn của các loại tài sản cố định lũy kế tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của các TK 2141, 2142, 2143 và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

#### ***VI. Bất động sản đầu tư (Mã số 160)***

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ giá trị còn lại của các loại bất động sản đầu tư tại thời điểm báo cáo.

Mã số 160 = Mã số 161 + Mã số 162.

+ *Nguyên giá (Mã số 161)*

Chỉ tiêu này phản ánh toàn bộ nguyên giá của các loại bất động sản đầu tư tại thời điểm báo cáo sau khi đã trừ số tổn thất do suy giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

Số liệu để phản ánh vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của TK 217.

+ *Giá trị hao mòn lũy kế (Mã số 162)*

Chỉ tiêu này phản ánh toàn bộ giá trị hao mòn lũy kế của bất động sản đầu tư dùng để cho thuê tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 2147 và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

#### ***VII. Xây dựng cơ bản dở dang (Mã số 170)***

Chỉ tiêu này phản ánh toàn bộ trị giá tài sản cố định đang mua sắm, chi phí đầu tư xây dựng cơ bản, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định dở dang hoặc đã hoàn thành chưa bàn giao hoặc chưa đưa vào sử dụng tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của TK 241.

#### ***VIII. Tài sản khác (Mã số 180)***

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh tổng giá trị các tài sản khác tại thời

điểm báo cáo, như: Thuế GTGT còn được khấu trừ và tài sản khác tại thời điểm báo cáo.

Mã số 180 = Mã số 181 + Mã số 182.

*1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ (Mã số 181)*

Chỉ tiêu này phản ánh số thuế GTGT còn được khấu trừ và số thuế GTGT còn được hoàn lại tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu “Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ” căn cứ vào số dư Nợ của TK 133.

*2. Tài sản khác (Mã số 182)*

Chỉ tiêu này phản ánh tổng giá trị các tài sản khác tại thời điểm báo cáo, như: Chi phí trả trước, thuế và các khoản khác nộp thừa cho Nhà nước.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Nợ chi tiết các TK 242, 333.

**Tổng cộng tài sản (Mã số 200)**

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh tổng trị giá tài sản hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo.

Mã số 200 = Mã số 110 + Mã số 120 + Mã số 130 + Mã số 140 + Mã số 150 + Mã số 160 + Mã số 170 + Mã số 180.

**PHẦN NGUỒN VỐN**

*1. Nợ phải trả (Mã số 300)*

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số nợ phải trả tại thời điểm báo cáo.

Mã số 300 = Mã số 311 + Mã số 312 + Mã số 313 + Mã số 314 + Mã số 315 + Mã số 316 + Mã số 317 + Mã số 318 + Mã số 319 + Mã số 320

*1. Phải trả người bán (Mã số 311)*

Chỉ tiêu này phản ánh số tiền còn phải trả cho người bán tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Có chi tiết của TK 331 mở cho từng người bán.

*2. Người mua trả tiền trước (Mã số 312)*

Chỉ tiêu này phản ánh số tiền người mua ứng trước để mua sản phẩm,

hàng hóa, dịch vụ, tài sản cố định, bất động sản đầu tư và doanh nghiệp có nghĩa vụ cung cấp tại thời điểm báo cáo (không bao gồm các khoản doanh thu nhận trước).

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Có chi tiết của TK 131 mở cho từng khách hàng.

### *3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Mã số 313)*

Chỉ tiêu này phản ánh tổng các khoản doanh nghiệp còn phải nộp cho Nhà nước tại thời điểm báo cáo, bao gồm cả các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Có chi tiết của TK 333.

### *4. Phải trả người lao động (Mã số 314)*

Chỉ tiêu này phản ánh các khoản doanh nghiệp còn phải trả cho người lao động tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có chi tiết của TK 334.

### *5. Phải trả khác (Mã số 315)*

Chỉ tiêu này phản ánh các khoản phải trả khác tại thời điểm báo cáo, như: Chi phí phải trả, phải trả nội bộ khác ngoài khoản phải trả về vốn kinh doanh, giá trị tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân, các khoản phải nộp cho cơ quan BHXH, KPCĐ, các khoản nhận ký cược, ký quỹ, doanh thu chưa thực hiện...

Khi đơn vị cấp trên lập Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp với đơn vị cấp dưới hạch toán phụ thuộc, khoản phải trả nội bộ khác trong chỉ tiêu này được bù trừ với khoản phải thu nội bộ khác trong chỉ tiêu “Phải thu khác” (Mã số 134) trên Báo cáo tình hình tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có chi tiết của các TK 335, 3368, 338, 1388.

### *6. Vay và nợ thuê tài chính (Mã số 316)*

Chỉ tiêu này phản ánh tổng giá trị các khoản doanh nghiệp đi vay, còn nợ các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác kể cả



khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có chi tiết của TK 341, 4111 (cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả).

*7. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh (Mã số 317)*

Tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động và mô hình quản lý của từng đơn vị, doanh nghiệp thực hiện phân cấp và quy định cho đơn vị hạch toán phụ thuộc ghi nhận khoản vốn do doanh nghiệp cấp vào chỉ tiêu này hoặc chỉ tiêu “Vốn góp của chủ sở hữu” (Mã số 411).

Chỉ tiêu này chỉ trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính đơn vị cấp dưới không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc, phản ánh các khoản đơn vị cấp dưới phải trả cho đơn vị cấp trên về vốn kinh doanh.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có chi tiết của TK 3361. Khi đơn vị cấp trên lập Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp toàn doanh nghiệp, chỉ tiêu này được bù trừ với chỉ tiêu “Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc” (Mã số 133) trên Báo cáo tình hình tài chính của đơn vị cấp trên.

*8. Dự phòng phải trả (Mã số 318)*

Chỉ tiêu này phản ánh khoản dự phòng cho các khoản dự kiến phải trả tại thời điểm báo cáo, như dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây dựng, các khoản chi phí trích trước để sửa chữa TSCĐ định kỳ, chi phí hoàn nguyên môi trường trích trước... Các khoản dự phòng phải trả thường được ước tính, chưa chắc chắn về thời gian phải trả, giá trị phải trả và doanh nghiệp chưa nhận được hàng hóa, dịch vụ từ nhà cung cấp.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có của TK 352.

*9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Mã số 319)*

Chỉ tiêu này phản ánh Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, Quỹ thưởng ban quản lý điều hành chưa sử dụng tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 353.

*10. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (Mã số 320)*

Chỉ tiêu này phản ánh số Quỹ phát triển khoa học và công nghệ chưa



sử dụng tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 356.

## **II. *Vốn chủ sở hữu (Mã số 400)***

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh các khoản vốn kinh doanh thuộc sở hữu của cổ đông, thành viên góp vốn, như: Vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, cổ phiếu quỹ, chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Mã số 400 = Mã số 411 + Mã số 412 + Mã số 413 + Mã số 414 + Mã số 415 + Mã số 416 + Mã số 417

### **1. *Vốn góp của chủ sở hữu (Mã số 411)***

Chỉ tiêu này phản ánh tổng số vốn đã thực góp của các chủ sở hữu vào doanh nghiệp (đối với công ty cổ phần phản ánh vốn góp của các cổ đông theo mệnh giá cổ phiếu) tại thời điểm báo cáo.

Tại đơn vị hạch toán phụ thuộc, chỉ tiêu này có thể phản ánh số vốn được cấp nếu doanh nghiệp quy định đơn vị hạch toán phụ thuộc ghi nhận vốn kinh doanh được cấp vào TK 411.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 4111.

### **2. *Thặng dư vốn cổ phần (Mã số 412)***

Chỉ tiêu này phản ánh thặng dư vốn cổ phần ở thời điểm báo cáo của công ty cổ phần.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 4112. Nếu TK 4112 có số dư Nợ thì chỉ tiêu này được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

### **3. *Vốn khác của chủ sở hữu (Mã số 413)***

Chỉ tiêu này phản ánh giá trị các khoản vốn khác của chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có TK 4118.

### **4. *Cổ phiếu quỹ (Mã số 414)***

Chỉ tiêu này phản ánh giá trị cổ phiếu quỹ hiện có ở thời điểm báo cáo của công ty cổ phần.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của TK 419 và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

**5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái (Mã số 415)**

Trường hợp đơn vị sử dụng đồng tiền khác Đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chỉ tiêu này phản ánh khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi Báo cáo tài chính sang Đồng Việt Nam.

**6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu (Mã số 416)**

Chỉ tiêu này phản ánh các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu chưa sử dụng tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có TK 418.

**7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 417)**

Chỉ tiêu này phản ánh số lãi (hoặc lỗ) sau thuế chưa phân phối tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 421. Trường hợp TK 421 có số dư Nợ thì số liệu chỉ tiêu này được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

**Tổng cộng nguồn vốn (Mã số 500)**

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh tổng số các nguồn vốn hình thành tài sản của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo. Mã số 500 = Mã số 300 + Mã số 400.

$$\begin{array}{l} \text{Chỉ tiêu "Tổng cộng} \\ \text{Tài sản Mã số 200"} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chỉ tiêu "Tổng cộng} \\ \text{Nguồn vốn Mã số 500"} \end{array}$$

**\* Một số tài khoản đặc biệt cần lưu ý :**

+ Các tài khoản dự phòng (TK 229), hao mòn TSCĐ (TK 214) mặc dù có số dư bên có nhưng vẫn được ghi bên phần "Tài sản" bằng cách ghi âm (ghi số tiền trong ngoặc đơn ) nhằm phản ánh chính xác quy mô tài sản hiện có của Doanh nghiệp.

+ Các chỉ tiêu chênh lệch đánh giá lại tài sản (TK 412), chênh lệch tỷ giá (TK 413), lợi nhuận chưa phân phối (TK 421): Nếu các tài khoản đã nêu có số dư Có thì ghi bình thường, còn có số dư Nợ thì phải ghi âm bên Nguồn vốn.

+ Khoản "Phải thu khách hàng" và " Người mua trả tiền trước", " Trả trước cho người bán", " Phải thu khác", " Phải trả khác", không được bù trừ khi lập Báo cáo tình hình tài chính mà phải dựa vào Bảng tổng hợp chi tiết để

phản ánh vào từng chỉ tiêu phù hợp với quy định.

### **1.3. Phân tích Báo cáo tình hình tài chính.**

#### ***1.3.1. Phương pháp phân tích Báo cáo tình hình tài chính***

Khi phân tích Báo cáo tình hình tài chính thường sử dụng phương pháp so sánh, phương pháp tỷ lệ và phương pháp cân đối.

a) Phương pháp so sánh: Dùng để xác định xu hướng, mức độ biến động của chỉ tiêu phân tích. Trong phương pháp này có 3 kỹ thuật so sánh chủ yếu :

- So sánh tuyệt đối: Là mức độ biến động [ vượt (+) hay hụt (-) ] của chỉ tiêu nghiên cứu giữa kỳ phân tích so với kỳ gốc.

- So sánh tương đối: Là tỷ lệ % của mức biến động giữa 2 kỳ, kỳ phân tích so với kỳ gốc.

- So sánh kết cấu: Là tỷ trọng của một chỉ tiêu kinh tế trong tổng thể các chỉ tiêu cần so sánh.

b). Phương pháp tỷ lệ:

Phương pháp này dựa trên ý nghĩa chuẩn mực của các đại lượng tài chính trong quan hệ tài chính. Sự biến đổi các tỷ lệ là sự biến đổi các đại lượng tài chính. Về nguyên tắc, phương pháp tỷ lệ yêu cầu cần xác định được các ngưỡng. Các định mức để nhận xét, đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp. Trên cơ sở so sánh các tỷ lệ của doanh nghiệp với giá trị các tỷ lệ tham chiếu. Phương pháp tỷ lệ bao gồm:

- *Tỷ lệ khả năng thanh toán*: đánh giá khả năng đáp ứng của từng khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp.

- *Tỷ lệ về khả năng cân đối vốn, nguồn vốn*: phản ánh mức độ ổn định và tự chủ về tài chính.

*Tỷ lệ khả năng sinh lời*: phản ánh hiệu quả sản xuất kinh doanh tổng hợp nhất của doanh nghiệp.

c) Phương pháp cân đối

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp hình thành nhiều mối quan hệ cân đối, cân đối là sự cân bằng về lượng giữa hai mặt của các yếu tố và quá trình kinh doanh.

Qua việc so sánh này, các nhà quản lý sẽ liên hệ với tình hình và nhiệm

vụ kinh doanh cụ thể để đánh giá tình hình thực hợp lý của sự biến động theo từng chỉ tiêu cũng như biến động về tổng giá trị tài sản và nguồn vốn.

Ngoài ra còn sử dụng thêm các phương pháp như: Thay thế liên hoàn, chênh lệch và nhiều khi đòi hỏi của quá trình phân tích yêu cầu cần phải sử dụng kết hợp các phương pháp với nhau để thấy được mối quan hệ giữa các chỉ tiêu. Qua đó, các nhà quản trị mới đưa ra các quyết định đúng đắn, hợp lý, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp.

### **1.3.2. Nội dung của phân tích Báo cáo tình hình tài chính**

#### **1.3.2.1. Đánh giá khái quát tình hình tài chính của Doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính.**

Đánh giá khái quát tình hình tài chính là việc xem xét, nhận định về sơ bộ bước đầu về tình hình tài chính của doanh nghiệp. Công việc này sẽ cung cấp cho nhà quản lý biết được thực trạng tài chính cũng như đánh giá được sức mạnh tài chính của doanh nghiệp, nắm bắt được tình hình tài chính của doanh nghiệp là khả quan hay không khả quan. Để đánh giá khái quát tình hình tài chính cần tiến hành phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản cũng như nguồn hình thành tài sản của doanh nghiệp.

- Phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản: Phân tích tình hình biến động tăng giảm và cơ cấu tài sản là thực hiện việc so sánh sự biến động trên tổng tài sản cũng như từng loại tài sản giữa cuối năm so với đầu năm. Đồng thời còn phải xem xét tỷ trọng từng loại tài sản chiếm trong tổng số và xu hướng biến động của chúng để thấy được cơ cấu tài sản của doanh nghiệp là hợp lý hay chưa cũng như việc phân bổ nguồn vốn hình thành cơ cấu tài sản của doanh nghiệp từ đó đưa ra các giải pháp trong thời gian tới.

- Phân tích tình hình biến động và cơ cấu nguồn: là phân tích cơ cấu và tình hình biến động trên tổng số nguồn vốn cũng như từng loại nguồn vốn cuối năm so với đầu năm. Đồng thời qua phân tích cơ cấu nguồn vốn, sẽ giúp cho chúng ta nắm được cơ cấu nguồn vốn huy động, biết được trách nhiệm của doanh nghiệp đối với các nhà cho vay, nhà cung ứng, người lao động, ngân sách,... về số tài sản tài trợ bằng nguồn vốn của họ.

**BIỂU 1.2: PHẬN TÍCH TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VÀ CƠ CẤU TÀI SẢN**

TÀI SẢN	31/12/200N-1		31/12/200N		Chênh lệch		
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Số tương đối	Tỷ trọng
I. Tiền và các khoản tương đương tiền							
II. Đầu tư tài chính							
III. Các khoản phải thu							
IV. Hàng tồn kho							
V. Tài sản cố định							
VI. Bất động sản đầu tư							
VII. XDCB dở dang							
VIII. Tài sản khác							
<b>Cộng</b>							

**BIỂU 1.3: PHẬN TÍCH TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VÀ CƠ CẤU NGUỒN VỐN**

NGUỒN VỐN	31/12/200N-1		31/12/200N		Chênh lệch		
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Số tương đối	Tỷ trọng
<b>I. Nợ phải trả</b>							
1. Phải trả người bán							
...							
<b>II. Vốn chủ sở hữu</b>							
1. Vốn góp của chủ sở hữu							
...							
<b>CỘNG</b>							

1.3.2.2. Phân tích tình hình tài chính của Doanh nghiệp thông qua các tỷ số tài chính cơ bản.

- Nhóm chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán

+ Hệ số khả năng thanh toán tổng quát: Là chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán chung của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo. Chỉ tiêu này cho biết tổng số tài sản hiện có của doanh nghiệp có đảm bảo trang trải khoản nợ phải trả hay không.

$$\text{Hệ số thanh toán tổng quát} = \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Nợ ngắn hạn} + \text{Nợ dài hạn}}$$

Nếu hệ số này nhỏ hơn 1, doanh nghiệp mất khả năng thanh toán khó khăn về tài chính. Hệ số trên càng lớn và có xu hướng ngày càng tăng chứng tỏ tất cả các khoản vốn huy động từ bên ngoài đều có tài sản đảm bảo.

+ Hệ số thanh toán hiện thời :

$$\text{Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn} = \frac{\text{Tổng tài sản ngắn hạn}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

Hệ số này càng lớn (lớn hơn 1) và có xu hướng ngày càng tăng chứng tỏ khả năng thanh toán của doanh nghiệp tăng và ngược lại. Nếu hệ số này tăng thì rủi ro tài chính càng giảm và ngược lại.

Chú ý : Nếu hệ số này tăng do nợ khó đòi phải thu tăng, do hàng bán trả chậm kém phẩm chất tăng, làm một phần hàng tồn kho tăng, làm cho không thể kết luận doanh nghiệp có khả năng thanh toán và làm cho rủi ro tài chính doanh nghiệp tăng.

Nếu tỷ số khả năng thanh toán giảm do tăng nợ phải trả thì kết luận khả năng thanh toán giảm, rủi ro tài chính tăng.

Nếu khả năng thanh toán giảm do từ số giảm làm tốt công việc thu hồi công nợ, hàng bán nhanh dẫn tới hàng tồn kho giảm thì có thể kết luận doanh nghiệp có khả năng thanh toán và rủi ro tài chính không tăng.

+ Hệ số thanh toán nhanh: Là thước đo về huy động các tài sản có khả năng chuyển đổi ngay thành tiền để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn

$$\text{Hệ số thanh toán nhanh} = \frac{\text{Tổng tài sản ngắn hạn} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

Nếu hệ số trên càng lớn và có xu hướng ngày càng tăng thì khả năng thanh toán nhanh của DN tăng làm cho rủi ro tài chính của DN giảm và ngược lại.

- *Chỉ tiêu phản ánh cơ cấu tài chính.*

+ Hệ số vốn chủ sở hữu, cho biết mức độ độc lập hay phụ thuộc của doanh nghiệp đối với các chủ nợ, khả năng tự tài trợ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và thước đo sự góp vốn của chủ sở hữu trong tổng số vốn doanh nghiệp dùng để kinh doanh.

$$\text{Hệ số Vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng nguồn vốn}} = 1 - \text{Hệ số nợ}$$



---

## CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ THÀNH

### 2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành

#### *Thông tin khái quát chung về công ty.*

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành
- Đăng ký kinh doanh ngày: 08/04/2011
- Giấy phép kinh doanh: [0201158653](#) - ngày cấp: 08/04/2011
- Mã số thuế : 0201158653
- Địa chỉ: Thôn 3, Xã. Tân Dương, Huyện. Thủy Nguyên, Thành phố. Hải Phòng
- Điện thoại : 0225 3282 107

#### *2.1.1. Quá trình xây dựng và phát triển của công ty.*

Trong quá trình phát triển không ngừng của thị trường, Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành hoạt động theo phương châm nếu không tự mình tạo lập nên nền tảng vững chắc cho chính mình thì sẽ tự đào thải và không thể tồn tại trước sự cạnh tranh khốc liệt của thị trường.

Được thành lập từ năm 2011 theo giấy phép thành lập số [0201145653](#) do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 08 tháng 04 năm 2011. Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành với đội ngũ nhân viên trẻ, năng động sáng tạo và đầy nhiệt huyết đơn vị đã đạt được những bước phát triển đáng kể trong công việc. Công ty có lực lượng thiết bị máy móc, phương tiện kỹ thuật đa dạng về chủng loại, hiện đại tiên tiến về công nghệ đáp ứng được nhu cầu thi công xây lắp các loại công trình có quy mô lớn đòi hỏi kỹ thuật cao, có tinh chất và điều kiện thi công phức tạp.

Mặc dù được thành lập và hoạt động chưa lâu nhưng đơn vị đã tạo được nền tảng phát triển cho mình, các công trình do công ty thi công được đánh giá cao về chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật và tiến độ thi công tiêu biểu là một số công trình như: Nhà máy Xi Măng Cẩm Phả, nhà máy xi măng Hải Phòng, Công ty Đinh Vàng,

Xưởng cơ khí công ty đóng tàu Thành Long ....

Bên cạnh đó công ty còn là đơn vị cung cấp nguyên vật liệu xây dựng chính cho các công trình như: Trường tiểu học trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tỉnh Quảng Ninh, Công ty CP Hàng Kênh, Công ty TNHH Quốc Tế Vĩnh Chân, nhà xưởng công ty TNHH Well Power Việt Nam, ....

Chỉ tiêu kế hoạch công ty đặt ra: tăng trưởng năm sau cao hơn so với năm trước, với tỷ lệ từ 20% đến 25%. Đến năm 2018, sau bảy năm hoạt động công ty đã đưa giá trị sản lượng thực hiện đạt trên ba mươi tỷ đồng. Trong đó sản lượng kinh doanh chiếm 70%, sản lượng xây lắp chiếm 30%. Nộp ngân sách Nhà nước tăng 10%, nâng cao thu nhập cán bộ công nhân viên của công ty. Đảm bảo việc làm cho người lao động với mức thu nhập ổn định.

### **2.1.2. Ngành nghề kinh doanh**

Hiện nay công ty dự định thành lập chi nhánh tại các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Dương, Bắc Ninh, Thái Bình... với các ngành nghề kinh doanh chính để mở rộng tại thị trường và phù hợp với chiến lược phát triển của công ty – sản xuất kinh doanh đa ngành nghề:

#### **✓ Về kinh doanh thương mại:**

Kinh doanh vật liệu xây dựng: Các loại sắt, thép hình, tôn mạ màu, xi măng, cát, đá...

Công ty là đầu mối chuyên thu mua sắt thép phế liệu các loại, cung cấp lại cho các nhà máy sản xuất phôi thép. Đồng thời công ty là bạn hàng truyền thống của các công ty thép: Công ty CP thép và vật tư Hải Phòng, công ty TNHH Công nghiệp – Thương mại Thái Sơn, công ty CP thép Miền Bắc... để kinh doanh, phục vụ thi công các công trình.

#### **✓ Về xây dựng:**

Các lĩnh vực xây lắp công ty đảm nhận thi công.

Thi công xây lắp các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, công trình giao thông, công trình điện....

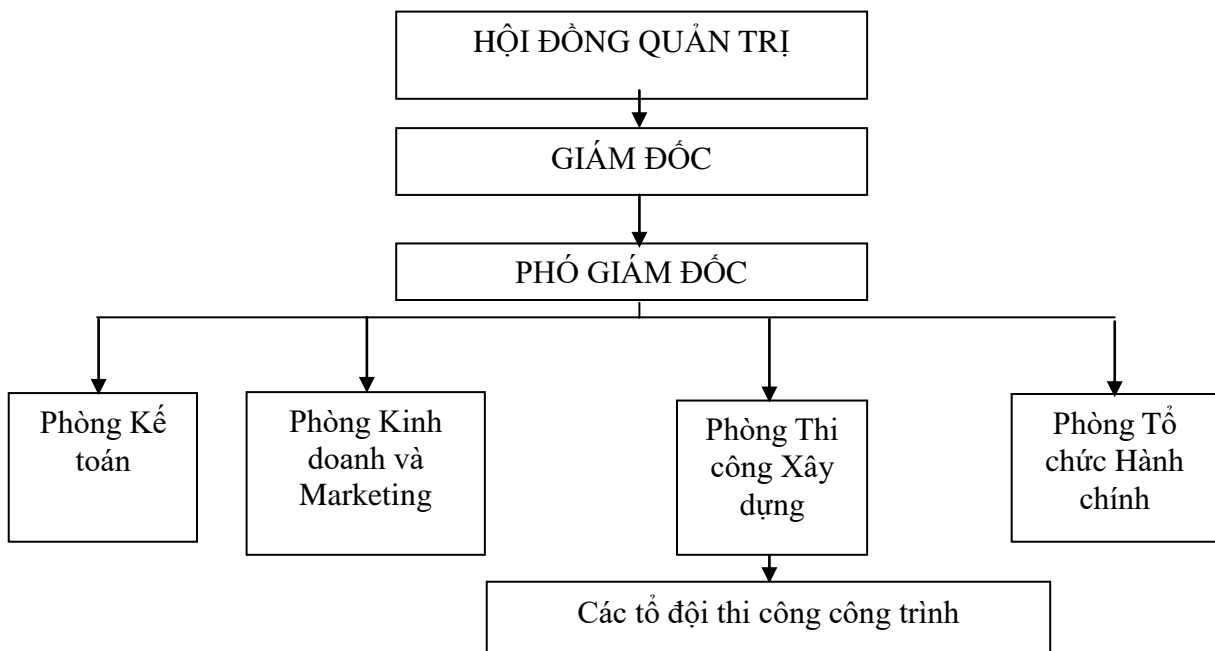
✓ **Dự án đầu tư:**

Đơn vị đang đẩy mạnh vào việc đầu tư kinh doanh các mặt hàng đặc chủng nhằm chiếm lĩnh thị trường và tạo được nền tảng vững mạnh trước khi tăng tốc phát triển vượt trội trên thị trường.

Công ty có mặt bằng bên bãi rộng lớn phục vụ cho các hoạt động xây dựng, hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng và các hoạt động kinh doanh khác. Có đội xe, máy thi công không những đáp ứng được nhu cầu vận chuyển, thi công cơ giới cho các công trình của công ty mà còn làm dịch vụ cho các công trình của các đơn vị khác có nhu cầu sử dụng.

**2.1.3. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý công ty**

Tổ chức bộ máy quản lý của công ty có vai trò quan trọng trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp tạo nên sự thống nhất nhịp nhàng giữa các bộ phận trong doanh nghiệp. Đảm bảo cho việc tăng cường công tác kiểm tra giám sát chỉ đạo và nâng cao hiệu quả kinh doanh, doanh nghiệp đã thiết lập một bộ máy quản lý gọn nhẹ nhất.



Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành

Chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban:

➤ **Hội Đồng Quản Trị:**

Do Đại hội đồng cổ đông công ty bầu ra. Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông. Hội đồng quản trị có nhiệm vụ:

- Quyết định chiến lược phát triển công ty
- Quyết định huy động thêm vốn theo các hình thức
- Quyết định phương án đầu tư
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ, thông qua hợp đồng mua, bán, cho vay và hợp đồng khác có giá trị lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức giám đốc và cán bộ quản lý quan trọng khác của công ty, quyết định mức lương và lợi ích của cán bộ quản lý đó.
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh văn phòng đại diện và việc góp vốn mua cổ phần doanh nghiệp khác.
- Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể công ty.
- Chịu trách nhiệm trước đại hội đồng cổ đông về những vi phạm trong quản lý, vi phạm điều lệ, vi phạm pháp luật, gây thiệt hại cho công ty...

➤ **Giám đốc:**

Do HĐQT bổ nhiệm là người điều hành hoạt động hàng ngày của công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao, giám đốc công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của công ty.
- Tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT
- Tổ chức thực hiện các kế hoạch kinh doanh về phương án đầu tư của công ty.
- Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty.

➤ **Phó giám đốc:**

Do HĐQT bổ nhiệm có quyền lợi và nghĩa vụ:

- Tham mưu cho giám đốc trong hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh.
- Ngoài các công tác được phân công cụ thể thì cần có sự trao đổi nắm bắt nội dung công việc có liên quan để giải quyết công việc khi cần, đảm bảo mọi hoạt động tiến độ nhịp nhàng và sự điều hành của giám đốc.
- Tổ chức thực hiện quản lý các nguồn lực của công ty. Xây dựng quy chế điều hành sản xuất kinh doanh của công ty.
- Chịu trách nhiệm trước giám đốc về các mặt kỹ thuật công nghệ, kinh doanh...Chỉ đạo sản xuất thực hiện theo kế hoạch mà ban lãnh đạo công ty đề ra. Giám sát giải quyết các công việc hàng ngày của đơn vị về: Kế toán, thống kê tài chính, kế hoạch kinh doanh, chỉ đạo việc thực hiện các phương án đấu thầu, các mối quan hệ kinh doanh trong và ngoài nước, thay mặt giám đốc ký các hợp đồng kinh tế có giá trị đến 200 triệu đồng, đề xuất các phương án tổ chức sắp xếp lại lao động, sửa đổi bổ sung các quy chế quy định của công ty về lĩnh vực mình phụ trách.

➤ **Phòng Kế toán:**

Tham mưu cho giám đốc chỉ đạo các đơn vị thực hiện các chế độ quản lý tài chính, tiền tệ theo quy định của bộ tài chính, ghi chép phản ánh chính xác, kịp thời và có hệ thống sự diễn biến các nguồn vốn, vốn vay, giải quyết các loại vốn phục vụ cho việc huy động vật tư, nguyên liệu, hàng hóa trong kinh doanh. Tổng hợp kết quả kinh doanh, lập báo cáo kế toán thống kê, phân tích hoạt động kinh doanh để phục vụ cho việc kiểm tra thực hiện kế hoạch của công ty.

➤ **Phòng Tổ chức Hành chính:**

Có nhiệm vụ thực hiện các công việc hành chính như tiếp nhận, phát hành và lưu trữ công văn, giấy tờ tài liệu. Quản lý nhân sự, nghiên cứu, xây dựng cơ cấu tổ chức công ty. Thực hiện một số công việc về chế độ chính sách cũng như vấn đề lương bổng khen thưởng. Quản trị tiếp nhận lưu trữ công văn từ trên xuống, chuyển giao cho các bộ phận có liên quan.

➤ **Phòng Kinh doanh và Marketing:**

Nhiệm vụ tiếp cận và mở rộng thị trường, phân đoạn thị trường phù hợp với mục đích kinh doanh của công ty, quảng cáo sản phẩm mới, tìm kiếm khách hàng, thúc đẩy quá trình tiêu thụ sản phẩm, quản lý các cửa hàng giới thiệu sản phẩm và các đại lý công ty, thực hiện các giao dịch và hoạt động sản xuất trong và ngoài nước. Thu thập các thông tin trên thị trường về các lĩnh vực kinh doanh của công ty, nghiên cứu nhu cầu thị trường và tìm kiếm thị trường mới, đồng thời hỗ trợ giám đốc kỹ hợp đồng.

➤ **Phòng Thi công Xây dựng:**

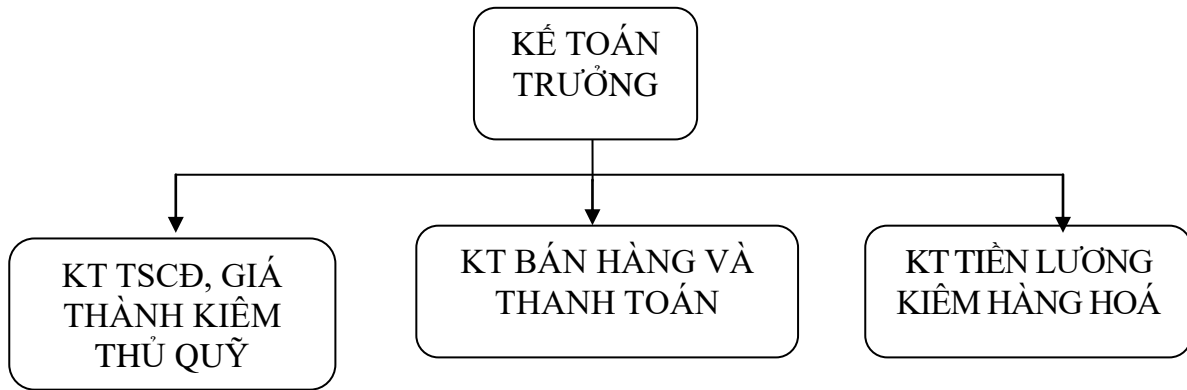
Quản lý và tổ chức thực hiện xây dựng cơ bản theo quy chế và pháp luật của nhà nước hiện hành, đồng thời nghiên cứu các tiến bộ kỹ thuật ứng dụng vào thi công, hướng dẫn nhằm nâng cao tay nghề cho công nhân nhằm tăng khả năng nghiệp vụ cho nhân viên. Theo dõi bám sát tiến độ thi công, quản lý kiểm tra số lượng nguyên vật liệu nhập và xác định mức vật liệu tiêu hao ổn định hợp lý. Tổ chức nghiệm thu khối lượng công trình, duyệt quyết toán công trình hình thành.

Trực tiếp tổ chức các đội thi công, xây dựng các công trình theo bản vẽ, tiến độ dưới sự phối hợp hướng dẫn của phòng kỹ thuật và sự chỉ đạo của Giám đốc.

**2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành**

**2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán**

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Phòng kế toán hạch toán mọi nghiệp vụ kế toán liên quan đến toàn công ty, thực hiện mọi công tác kế toán nhận và xử lý các chứng từ luân chuyển, ghi chép tổng hợp và lập báo cáo tài chính.



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành

▪**Kế toán trưởng:** Là người đứng đầu bộ máy kế toán, có nghĩa vụ phụ trách hướng dẫn các kế toán viên thực hiện đúng nhiệm vụ của mình, đồng thời giúp Giám đốc tổ chức lãnh đạo thực hiện công tác thống kê.

▪**Kế toán tài sản cố định và giá thành kiểm thủ quỹ:** Có nhiệm vụ theo dõi TSCĐ, tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm, lập báo cáo tài chính cuối kỳ. Là người quản lý số tiền mặt, rút tiền gửi Ngân hàng về nhập quỹ.

▪**Kế toán bán hàng và thanh toán:** Có nhiệm vụ theo dõi tình hình hiện có và sự biến động của sản phẩm, hàng hóa xuất bán; theo dõi các khoản doanh thu, chi phí liên quan đến công tác bán hàng; theo dõi công nợ phải thu của các khách hàng. Có nhiệm vụ thanh toán với khách hàng về công nợ, thanh toán các khoản tạm ứng, phải thu, phải trả và theo dõi việc thanh toán đối với Ngân sách Nhà nước.

▪**Kế toán tiền lương:** Có nhiệm vụ theo dõi việc trả lương đối với cán bộ, thanh toán lương cho cán bộ công nhân viên và các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ. Có nhiệm vụ theo dõi tình hình tăng giảm nguyên vật liệu, hàng hóa. Theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn kho về cả số lượng và giá cả, cuối tháng lập bảng phân bổ chuyển cho kế toán tổng hợp tập hợp chi phí và tính giá thành.

#### 2.1.4.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.

- Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật kí chung.
- Kỳ kế toán: Từ 1/1 đến 31/12 năm dương lịch.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt Nam.



- Phương pháp khấu hao TSCĐ: khấu hao đường thẳng.
- Phương pháp tính thuế GTGT: thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp tính giá xuất kho: Theo phương pháp Bình quân liên hoàn.
- Chế độ kế toán áp dụng: theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính.

#### 2.1.4.3. Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản

Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán ban hành theo Thông tư số 133/2016/QĐ-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

#### 2.1.4.4. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách và hình thức kế toán

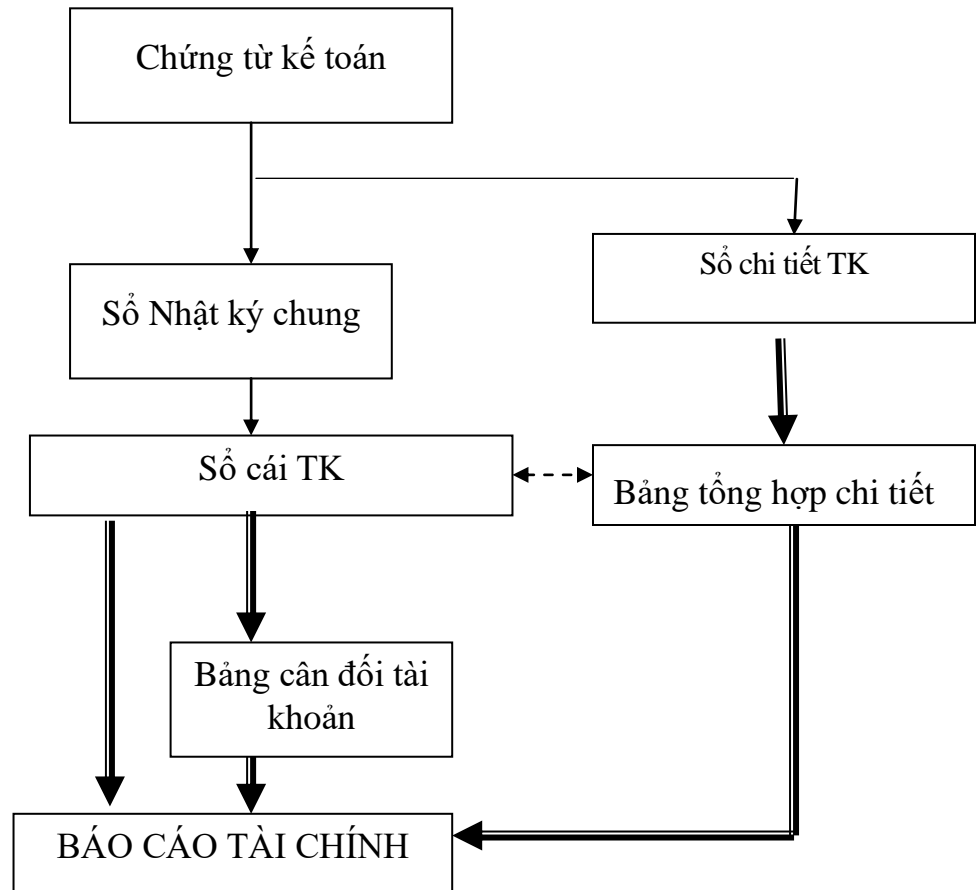
Công ty áp dụng hình thức sổ Nhật ký chung. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của nghiệp vụ đó, sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hệ thống sổ sách mà Công ty đang sử dụng bao gồm:

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái các tài khoản.
- Các sổ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:





**Ghi chú:**

- > Ghi hàng ngày
- > Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
- ←-----> Đối chiếu

Sơ đồ 2.3. Sơ đồ trình tự kế toán theo hình thức nhật ký chung tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi các nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung sau đó căn cứ vào số liệu của sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên sổ cái và lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra, đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập các báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

#### **2.1.4.5. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành.**

Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp bao gồm:

- Bảng cân đối tài khoản.
- Báo cáo tình hình tài chính - Mẫu B01a- DNN.
- Báo cáo kết quả kinh doanh - Mẫu B02 – DNN.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ - Mẫu B03 – DNN
- Thuyết minh báo cáo tài chính - Mẫu B09 – DNN.

Ngoài ra công ty còn lập các báo cáo kế toán khác theo yêu cầu của nhà nước như báo cáo thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp... và theo yêu cầu quản trị của doanh nghiệp như: Báo cáo tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước...

### **2.2 Thực trạng công tác lập Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành.**

#### **2.2.1 Căn cứ lập Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành.**

- Căn cứ vào Bảng cân đối tài khoản.
- Bảng tổng hợp chi tiết tài khoản như Bảng tổng hợp phải thu khách hàng, Bảng tổng hợp phải trả người bán...
- Căn cứ vào Báo cáo tình hình tài chính năm trước.

#### **2.2.2 Trình tự lập Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành.**

Hiện nay Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành thực hiện lập Báo cáo tình hình tài chính theo các bước sau:

Bước 1: Kiểm tra tính có thật của các chứng từ phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ kế toán

Bước 2: Tạm khóa sổ kế toán và đối chiếu số liệu từ các sổ kế toán.

Bước 3: Thực hiện các bút toán kết chuyển và khóa sổ kế toán chính thức.

Bước 4: Lập Bảng cân đối tài khoản.

Bước 5: Lập Báo cáo tình hình tài chính theo thông tư 133/2016/TT-BTC.

Bước 6: Thực hiện kiểm tra và ký duyệt

### *2.2.2.1. Kiểm tra tính có thật của các chứng từ phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ kế toán*

Định kỳ, kế toán tiến hành kiểm tra tính có thực của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, nghĩa là các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kế toán phản ánh vào sổ sách có đầy đủ chứng từ hay không, chứng từ có đảm bảo tuân theo quy định của Nhà nước hay không. Nếu có sai sót trong khâu này thì kế toán công ty phải có biện pháp xử lý kịp thời. Trình tự kiểm tra được tiến hành như sau:

- Sắp xếp bộ chứng từ kế toán theo thứ tự thời gian nghiệp vụ kinh tế phát sinh;

- Kiểm tra, đối chiếu các chứng từ với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh vào sổ Nhật ký chung.

+ Đối chiếu số lượng chứng từ với số lượng các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã được phản ánh trong sổ Nhật ký chung.

+ Đối chiếu ngày tháng chứng từ với ngày tháng trong sổ Nhật ký chung.

+ Đối chiếu nội dung kinh tế từng chứng từ với nội dung kinh tế từng nghiệp vụ được phản ánh trong sổ Nhật ký chung.

+ Kiểm tra số tiền theo từng chứng từ và số tiền từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh trong sổ Nhật ký chung.

+ Kiểm soát quan hệ đối ứng trong sổ Nhật ký chung.

**Ví dụ 1:** Ngày 03/12/2018 Công ty mua Gạch 4040 và bồn nước Inox của Công ty cổ phần Nam Việt theo hóa đơn số 0000987, tổng giá thanh toán: 25.410.000 đồng, chưa thanh toán.

Kế toán tiến hành kiểm tra các chứng từ phát sinh và việc ghi vào sổ sách kế toán có liên quan, gồm:

1. Hóa đơn GTGT (Biểu 2.1)
2. Biên bản bàn giao hàng hóa ( Biểu 2.2)
3. Phiếu Nhập kho (Biểu 2.3)
4. Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.5)
5. Sổ cái TK 133 (Biểu 2.6), sổ cái TK 156 (Biểu 2.7), sổ cái TK 331 (Biểu 2.8)

**Ví dụ 2:** Ngày 10/12/2018, theo hóa đơn GTGT số 0001812 bán hàng cho Công ty TNHH Thái Vân, tổng giá thanh toán 148.041.300 đồng, chưa thu được tiền.

Kế toán tiến hành kiểm tra các chứng từ phát sinh và việc ghi vào sổ sách kế toán có liên quan, gồm:

1. Hóa đơn GTGT (Biểu 2.4)
2. Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.5)
3. Sổ cái TK 131 (Biểu 2.9), sổ cái TK 511 (Biểu 2.10), sổ cái TK 333 (Biểu 2.11)

**Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT**

<b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 2: Giao cho khách hàng			Ký hiệu: HM/18P		
Ngày 03 tháng 12 năm 2018			Số: <b>0000987</b>		
Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT</b>					
Mã số thuế: 0200568713					
Địa chỉ: Thị Trấn Núi Đèo, Huyện. Thủy Nguyên, Thành phố. Hải Phòng					
Điện thoại: 0225 3222 457, Fax: 0225 3222 457					
Số tài khoản: 3508101812835 - Ngân hàng NN & PTNT Chi Nhánh Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: <b>Hà Văn Thông</b>					
Tên đơn vị: <b>Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành</b>					
Mã số thuế: 0201158653					
Địa chỉ: Thôn 3, Xã. Tân Dương, Huyện. Thủy Nguyên, Thành phố. Hải Phòng					
Điện thoại: 0225 3282 107, Fax: 0225 3282 107					
Số tài khoản: 3508101802315 - Ngân hàng NN & PTNT Chi Nhánh Hải Phòng					
T	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
T	2	3	4	5	6=5x4
1	Gạch 4040	Hộp	100	101.000	10.100.000
2	Bồn nước Inox PPN 3000L	Bộ	2	6.500.000	13.000.000
<b>Cộng tiền hàng</b>					<b>23.100.000</b>
<b>Thuế GTGT : 10%</b>			<b>Tiền thuế GTGT</b>		<b>2.310.000</b>
<b>Tổng cộng tiền thanh toán</b>					<b>25.410.000</b>
Số tiền viết bằng chữ: <i>Hai mươi lăm triệu, bốn trăm mười nghìn đồng chẵn.</i>					
Người mua hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	
<i>( Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)</i>					

( Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành)

**Biểu số 2.2: Biên bản giao nhận hàng hóa**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập – tự do – hạnh phúc**  
-----o0o-----

**BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG HÓA**

Hôm nay, ngày 03 tháng 12 năm 2018, Chúng tôi gồm :

**Bên A (Bên nhận hàng): Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành**

Mã số thuế: 0201158653

Địa chỉ: Thôn 3, Xã. Tân Dương, Huyện. Thủy Nguyên, Thành phố. Hải Phòng

Điện thoại: 0225 3282 107, Fax: 0225 3282 107

Số tài khoản: 3508101802315 - Ngân hàng NN & PTNT Chi Nhánh Hải Phòng

Đại diện : Ông Hà Văn Thông – Chức vụ : Nhân viên phòng kinh doanh.

**Bên B ( Bên giao hàng): CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Mã số thuế: 0200568713

Địa chỉ: Thị Trấn Núi Đèo, Huyện. Thủy Nguyên, Thành phố. Hải Phòng

Điện thoại: 0225 3222 457, Fax: 0225 3222 457

Số tài khoản: 3508101812835 - Ngân hàng NN & PTNT Chi Nhánh Hải Phòng

Đại diện : Ông Đinh Hồng Vân – Chức vụ : Nhân viên phòng kinh doanh.

Hai bên cùng nhau thống nhất lập biên bản giao thực tế số lượng, chủng loại hàng hóa cụ thể như sau :

STT	Tên và quy cách sản phẩm	ĐVT	Số lượng
1	Gạch 4040	Hộp	100
2	Bồn nước Inox PPN 3000L	Bộ	2

Kèm theo chứng từ : Hóa đơn GTGT số **0000987**

Biên bản kết thúc vào hồi 14h cùng ngày. Hai bên đều thống nhất ký tên. Biên bản được thành lập thành 2 bản, mỗi bên giữ 1 bản có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN**

**ĐẠI DIỆN BÊN GIAO**

( Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành)

**Biểu số 2.3: Phiếu nhập kho**

**Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành**  
 Địa chỉ: Thôn 3, Xã. Tân Dương, Huyện. Thủy Nguyên,  
 Thành phố. Hải Phòng

**Mẫu số: 01 – VT**  
 (Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC  
 ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU NHẬP KHO**

Ngày 03 tháng 12 năm 2018

Số: 741

Nợ 156      **23.100.000**

Có: 331      **23.100.000**

Họ và tên người giao: Đinh Hồng Vân – Phòng kinh doanh

Theo: HĐ GTGT . số: 0000987....ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Công ty Cổ phần Nam Việt.

Nhập tại kho: Kho công ty

T T	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (Sản phẩm hàng hóa)	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực nhập		
1	Gạch 4040	G40	Hộp	100	100	101.000	10.100.000
2	Bồn nước Inox PPN 3000L	BN	Bộ	2	2	6.500.000	13.000.000
<b>Cộng tiền hàng</b>							<b>23.100.000</b>

- **Tổng số tiền (bằng chữ):** Hai mươi ba triệu, một trăm nghìn đồng.
- **Số chứng từ gốc kèm theo:** Hóa đơn GTGT 0000987, BB giao nhận hàng hóa

Ngày 03 tháng 12 năm 2018

**Người lập phiếu**  
(Ký, họ tên)

**Người giao hàng**  
(Ký, họ tên)

**Thủ kho**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

( Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành)

**Biểu số 2.4: Hóa đơn giá trị gia tăng**

<b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			Mẫu số:		
Liên 3: Nội bộ			01GTKT3/001		
Ngày 10 tháng 12 năm 2018			Ký hiệu: HM/18P		
			Số: <b>0001812</b>		
Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ THÀNH</b>					
Mã số thuế: 0201158653					
Địa chỉ: Thôn 3, Xã. Tân Dương, Huyện. Thủy Nguyên, Thành phố. Hải Phòng					
Điện thoại: 0225 3282 107, Fax: 0225 3282 107					
Số tài khoản: 3508101802315 - Ngân hàng NN & PTNT Chi Nhánh Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Đỗ Văn Đương					
Tên đơn vị: <b>Công ty TNHH Thái Vân</b>					
Mã số thuế: 0200672981					
Địa chỉ: số 121, Lê Thánh Tông. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: CK, Số tài khoản: 3508101808614 - Ngân hàng NN & PTNT Chi Nhánh Hải Phòng					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=5x4
1	Thép hình I200	kg	5.240	15.450	80.958.000
2	Tôn mạ màu	kg	2.500	21.450	53.625.000
Cộng tiền hàng					134.583.000
Thuế GTGT : 10% Tiền thuế GTGT					13.458.300
Tổng cộng tiền thanh toán					148.041.300
Số tiền viết bằng chữ: <i>Một trăm bốn mươi tám triệu, không trăm bốn mươi một nghìn, ba trăm đồng chẵn.</i>					
Người mua hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	
( Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

( Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành)



**Biểu số 2.5: Trích Sổ Nhật kí chung.**

Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành  
 Địa chỉ: Thôn 3, Xã. Tân Dương, Huyện. Thủy Nguyên, Thành phố. Hải Phòng

Mẫu số: S03a – DNN  
 (Ban hành theo TT 133/2016/TT - BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÍ CHUNG**

**Năm 2018**

*Đơn vị tính: đồng*

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			...			
03/12	HD987 PN741	03/12	Mua hàng hóa của Công ty Cổ phần Nam Việt nhập kho	156	23.100.000	
				133	2.310.000	
				331		25.410.000
			...			
10/12	HD 1812	10/12	Thu tiền bán hàng cho công ty TNHH Thái Vân	131	148.041.300	
				511		134.583.000
				333		13.458.300
			...			
11/12	PC937	11/12	Tạm ứng đi công tác	141	8.000.000	
				111		8.000.000
			...			
16/12	PC 943	16/12	Chi tiền tiếp khách ăn uống	642	4.530.000	
				133	453.000	
				111		4.983.000
			...			
20/12	BN99	20/12	Trả nợ cho người bán	331	208.230.000	
				112		208.230.000
			...			
23/12	BC1007	23/12	Thu tiền hàng	112	120.000.000	
				131		120.000.000
			...			
25/12	PC 959	25/12	Thanh toán chi phí tiếp khách	642	3.200.000	
				133	320.000	
				111		3.520.000
			...			
			<b>Công số phát sinh</b>		<b>162.242.739.367</b>	<b>162.242.739.367</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành)

**Biểu số 2.6: Trích Sổ cái TK 133.**

Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành  
 Địa chỉ: Thôn 3, Xã. Tân Dương, Huyện. Thủy Nguyên, Thành phố. Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DNN  
 (Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tên TK: Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

**Số hiệu: 133**

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			<b>Số dư đầu năm</b>			<b>0</b>
			<b>Số phát sinh</b>			
			...			
03/12	HD 987	03/12	Mua hàng của Công ty CP Nam Việt nhập kho	331	2.310.000	
			...			
09/12	PC 932	09/12	Chi mua văn phòng phẩm	111	125.000	
			...			
11/12	HD 1121	11/12	Mua hàng nhập kho	331	8.150.000	
			...			
16/12	PC 943	16/12	Chi tiền tiếp khách	111	453.000	
			...			
21/12	HD 912	21/12	Mua hàng nhập kho	331	11.351.000	
			...			
27/12	HD 881	27/12	Mua hàng nhập kho	331	6.559.000	
			...			
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>1.261.882.970</b>	<b>1.261.882.970</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>		<b>0</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người ghi sổ**  
 (Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 (Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành)

**Biểu số 2.7: Trích Sổ cái TK 156.**

Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành

Mẫu số: S03b – DNN

Địa chỉ: Thôn 3, Xã. Tân Dương, Huyện. Thủy Nguyên, Thành phố. Hải Phòng

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tên TK: Hàng hóa

**Số hiệu: 156**

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			<b>Số dư đầu năm</b>		<b>1.593.824.899</b>	
			<b>Số phát sinh</b>			
			...			
03/12	HĐ987 PN741	03/12	Mua hàng của Công ty CP Nam Việt nhập kho	331	23.100.000	
			...			
11/12	PX911	11/12	Xuất kho đem bán	632		61.541.240
			...			
11/12	HĐ1121 PN762	11/12	Mua hàng nhập kho	331	81.500.000	
			...			
21/12	HĐ912 PN771	21/12	Mua hàng nhập kho	331	113.510.000	
			...			
27/12	HĐ881 PN783	27/12	Mua hàng nhập kho	331	65.590.000	
			...			
28/12	PX971	28/12	Xuất kho đem bán	632		112.451.870
			...			
29/12	PX978	29/12	Xuất kho đem bán	632		91.556.441
			...			
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>11.560.282.415</b>	<b>10.846.186.891</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>		<b>2.307.920.423</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành)

**Biểu số 2.8: Trích Sổ cái TK 331.**

Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành  
 Địa chỉ: Thôn 3, Xã. Tân Dương, Huyện. Thủy Nguyên, Thành phố. Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DNN  
 (Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**  
 Tên TK: Phải trả người bán  
**Số hiệu: 331**  
 Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			<b>Số dư đầu năm</b>			<b>1.766.388.266</b>
			<b>Số phát sinh</b>			
			...			
03/12	HĐ987 PN741	03/12	Mua hàng của Công ty CP Nam Việt nhập kho	156 133		23.100.000 2.310.000
			...			
11/12	HĐ 1121 PN762	11/12	Mua hàng nhập kho	156 133		81.500.000 8.150.000
			...			
21/12	HĐ 912 PN771	21/12	Mua hàng nhập kho	156 133		113.510.000 11.351.000
			...			
27/12	HĐ 881 PN783	27/12	Mua hàng nhập kho	156 133		65.590.000 6.559.000
			...			
28/12	HĐ 901 PN 785	28/12	Mua hàng nhập kho	156 133		70.500.000 7.050.000
			...			
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>13.946.206.000</b>	<b>13.195.514.230</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			<b>1.015.696.496</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người ghi sổ**  
 (Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 (Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành)

**Biểu số 2.9 : Trích sổ cái tài khoản 131**

Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành  
 Địa chỉ: Thôn 3, Xã. Tân Dương, Huyện. Thủy Nguyên, Thành phố. Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DNN  
 (Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

**SỐ CÁI**

Tên TK: Phải thu khách hàng

Số hiệu: 131

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền		
	SH	NT			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	
			<b>Số dư đầu năm</b>			<b>2.115.442.003</b>	
			<b>Số phát sinh</b>				
			...				
10/12	HD 1812	10/12	Bán hàng cho Cty TNHH Thái Vân	511 333	134.583.000 13.458.300		
			...				
11/12	HD 1813	11/12	Xuất kho hàng hóa đem bán chưa thu tiền	511 333	131.500.000 13.150.000		
			...				
21/12	HD 1821	21/12	Xuất kho hàng hóa đem bán chưa thu tiền	511 333	285.600.000 28.560.000		
			...				
27/12	HD 1835	27/12	Xuất kho hàng hóa đem bán chưa thu tiền	511 333	312.450.000 31.245.000		
			...				
28/12	HD 1841	28/12	Xuất kho hàng hóa đem bán chưa thu tiền	511 333	60.500.000 6.050.000		
			...				
			<b>Cộng số phát sinh</b>			<b>18.785.204.824</b>	<b>18.538.110.235</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			<b>2.362.536.592</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ  
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
 (Ký, họ tên)

Giám đốc  
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành)

**Biểu số 2.10 : Trích sổ cái tài khoản 511**

Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành  
Thôn 3, Xã. Tân Dương, Huyện. Thủy Nguyên, Thành  
phố. Hải Phòng

Mẫu số S03b – DNN  
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC  
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			...	...		
10/12	HD1812	10/12	Bán hàng cho Công ty TNHH Thái Vân	131		134.583.000
...	...	...	...	...		
11/12	HD1813	11/12	Bán hàng cho Công ty TNHH Đầu tư Hồng Đăng	131		131.500.000
...	...	...	...	...		
21/12	HD1821	21/12	Bán hàng cho Công ty thương mại Á Bắc	131		285.600.000
27/12	HD1835	27/12	Bán hàng cho Công ty thương mại Á Bắc	131		312.450.000
...	...	...	...	...		
28/12	HD1841	28/12	Bán hàng cho Ông Bùi Văn Bình	131		60.500.000
...	...	...	...	...		
31/12	PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu 2018	911	22.083.162.050	
			<b>Cộng phát sinh năm</b>		<b>22.083.162.050</b>	<b>22.083.162.050</b>

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

( Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành)

**Biểu số 2.11 : Trích sổ cái tài khoản 333**

Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành  
Thôn 3, Xã. Tân Dương, Huyện. Thủy Nguyên, Thành  
phố. Hải Phòng

Mẫu số S03b – DNN  
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC  
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước

Số hiệu: 333

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			<b>0</b>
			...	...		
10/12	HD1812	10/12	Bán hàng cho Công ty TNHH Thái Vân	131		13.458.300
...	...	...	...	...		
11/12	HD1813	11/12	Bán hàng cho Công ty TNHH Đầu tư Hồng Đăng	131		13.150.000
...	...	...	...	...		
21/12	HD1821	21/12	Bán hàng cho Công ty thương mại Á Bắc	131		28.560.000
27/12	HD1835	27/12	Bán hàng cho Công ty thương mại Á Bắc	131		31.245.000
...	...	...	...	...		
28/12	HD1841	28/12	Bán hàng cho Ông Bùi Văn Bình	131		6.050.000
...	...	...	...	...		
			<b>Cộng phát sinh năm</b>		<b>1.987.356.231</b>	<b>2.211.316.205</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			<b>223.959.974</b>

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

( Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành )

2.2.2.2. *Tạm khóa sổ kế toán và đối chiếu số liệu từ các sổ kế toán.*

Sau bước kiểm tra tính có thật của các chứng từ phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ kế toán, kế toán tiến hành khóa sổ kế toán. Khóa sổ kế toán ở đây tức là cộng số phát sinh Nợ, số phát sinh Có trong kỳ của các tài khoản kế toán, đồng thời tính ra số dư cuối kỳ của các tài khoản có số dư cuối kỳ. Số liệu sẽ được đối chiếu giữa số dư, số cộng phát sinh trên sổ cái với số cộng trên Bảng tổng hợp chi tiết. Trong trường hợp Công ty không lập Bảng tổng hợp chi tiết tài khoản do chỉ phát sinh một đối tượng chi tiết thì có thể đối chiếu số liệu trực tiếp trên sổ cái với sổ chi tiết.

***Ví dụ:***

- Kế toán tiến hành khóa sổ cái tài khoản 156 và đối chiếu số liệu giữa số dư đầu kỳ, số dư cuối kỳ và số cộng phát sinh trên Sổ cái TK 156 (Biểu 2.12) với số cộng trên Bảng tổng hợp Nhập – Xuất – Tồn hàng hóa (Biểu 2.13). Số liệu ở đây là khớp đúng.

- Kế toán tiến hành khóa sổ cái tài khoản 131. Do có tính chất lưỡng tính trên Bảng tổng hợp phải thu khách hàng nên chỉ có thể đối chiếu số phát sinh trên Sổ cái TK 131 (Biểu 2.14) với Bảng tổng hợp chi tiết phải thu khách hàng (Biểu 2.15).

- Kế toán tiến hành khóa sổ cái tài khoản 331. Do không có tính chất lưỡng tính trên Bảng tổng hợp phải trả người bán nên có thể đối chiếu số dư đầu kỳ, số dư cuối kỳ và số cộng phát sinh trên Sổ cái TK 331 (Biểu 2.16) với Bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán (Biểu 2.17).



**Biểu số 2.12: Sổ cái TK 156.**

Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành  
Địa chỉ: Thôn 3, Xã. Tân Dương, Huyện. Thủy Nguyên, Thành phố. Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DNN  
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tên TK: Hàng hóa

**Số hiệu: 156**

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			<b>Số dư đầu năm</b>		<b>1.593.824.899</b>	
			<b>Số phát sinh</b>			
			...			
03/12	HĐ987 PN741	03/12	Mua hàng của Công ty CP Nam Việt nhập kho	331	23.100.000	
			...			
11/12	PX911	11/12	Xuất kho đem bán	632		61.541.240
			...			
11/12	HĐ1121 PN762	11/12	Mua hàng nhập kho	331	81.500.000	
			...			
21/12	HĐ912 PN771	21/12	Mua hàng nhập kho	331	113.510.000	
			...			
27/12	HĐ881 PN783	27/12	Mua hàng nhập kho	331	65.590.000	
			...			
28/12	PX971	28/12	Xuất kho đem bán	632		112.451.870
			...			
29/12	PX978	29/12	Xuất kho đem bán	632		91.556.441
			...			
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>11.560.282.415</b>	<b>10.846.186.891</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>		<b>2.307.920.423</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành)

**Biểu số 2.13: Bảng tổng hợp Nhập – Xuất – Tồn hàng hóa.**

Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành  
Thôn 3, Xã. Tân Dương, Huyện. Thủy Nguyên, Thành phố. Hải Phòng

Mẫu số S07 – DNN  
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC  
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG TỔNG HỢP NHẬP - XUẤT - TỒN - KHO HÀNG HÓA**

Năm 2018

Tên tài khoản: 156 - Hàng hóa

Đơn vị tính: đồng

T T	Tên vật tư	ĐVT	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
			Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
1	Ống nhựa PVC D200-C2	m	80	9.800.000	2.220	271.950.000	2.140	260.010.000	160	21.740.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
7	Gạch 4040	hộp	50	5.099.950	1.490	151.978.500	1.465	149.453.500	75	7.624.950
8	Bồn nước Inox PPN 3000L	bộ	3	19.650.000	96	628.800.000	95	622.450.000	4	26.000.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
<b>Cộng</b>						<b>11.560.282.415</b>		<b>10.846.186.891</b>		<b>2.307.920.423</b>
				<b>1.593.824.899</b>						

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.14 : Trích sổ cái tài khoản 131**

Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành

Mẫu số: S03b – DNN

Địa chỉ: Thôn 3, Xã. Tân Dương, Huyện. Thủy Nguyên, Thành phố. Hải Phòng

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

**SỐ CÁI**

Tên TK: Phải thu khách hàng

Số hiệu: 131

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			<b>Số dư đầu năm</b>		<b>2.115.442.003</b>	
			<b>Số phát sinh</b>			
			...			
10/12	HĐ 1812	10/12	Bán hàng cho Cty TNHH Thái Vân	511 333	134.583.000 13.458.300	
			...			
11/12	HĐ 1813	11/12	Xuất kho hàng hóa đem bán chưa thu tiền	511 333	131.500.000 13.150.000	
			...			
21/12	HĐ 1821	21/12	Xuất kho hàng hóa đem bán chưa thu tiền	511 333	285.600.000 28.560.000	
			...			
27/12	HĐ 1835	27/12	Xuất kho hàng hóa đem bán chưa thu tiền	511 333	312.450.000 31.245.000	
			...			
28/12	HĐ 1841	28/12	Xuất kho hàng hóa đem bán chưa thu tiền	511 333	60.500.000 6.050.000	
			...			
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>18.785.204.824</b>	<b>18.538.110.235</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>		<b>2.362.536.592</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành)

**Biểu số 2.15: Bảng tổng hợp phải trả người bán**

**Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành**  
Thôn 3, Xã. Tân Dương, Huyện. Thủy Nguyên, Thành phố. Hải Phòng

**BẢNG TỔNG HỢP PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

Tài khoản: 131

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng

**Năm 2018**

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
	...						
04	Công ty thương mại Thăng Long	-		315.700.650	315.700.650	-	
	...						
06	Công ty cổ phần Việt Đức	255.470.570		1.727.773.700	1.518.228.700	465.015.570	
	...						
10	Công ty xây dựng Bảo Thành	47.370.450		1.289.013.200	1.228.870.000	107.513.650	
	...						
	<b>Cộng</b>	<b>2.585.442.003</b>	<b>470.000.000</b>	<b>18.785.204.824</b>	<b>18.538.110.235</b>	<b>3.212.536.592</b>	<b>850.000.000</b>

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người lập**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành)

**Biểu số 2.16 : Trích sổ cái tài khoản 331**

Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành

Mẫu số: S03b – DNN

Địa chỉ: Thôn 3, Xã. Tân Dương, Huyện. Thủy Nguyên, Thành phố. Hải Phòng

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

**SỐ CÁI**

Tên TK: Phải trả người bán

Số hiệu: 331

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			<b>Số dư đầu năm</b>			<b>1.766.388.266</b>
			<b>Số phát sinh</b>			
			...			
03/12	HĐ987 PN741	03/12	Mua hàng nhập kho	156 133		23.100.000 2.310.000
			...			
11/12	HĐ 1121 PN762	11/12	Mua hàng nhập kho	156 133		81.500.000 8.150.000
			...			
21/12	HĐ 912 PN771	21/12	Mua hàng nhập kho	156 133		113.510.000 11.351.000
			...			
27/12	HĐ 881 PN783	27/12	Mua hàng nhập kho	156 133		65.590.000 6.559.000
			...			
28/12	HĐ 901 PN 785	28/12	Mua hàng nhập kho	156 133		70.500.000 7.050.000
			...			
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>13.946.206.000</b>	<b>13.195.514.230</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			<b>1.015.696.496</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành)

**Biểu số 2.17: Bảng tổng hợp phải trả người bán**

**Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành**  
 Thôn 3, Xã. Tân Dương, Huyện. Thủy Nguyên, Thành phố. Hải Phòng

**BẢNG TỔNG HỢP PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

Tài khoản: 331

Tên tài khoản: Phải trả người bán

**Năm 2018**

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
	...						
04	Công ty thương mại Thăng Long		122.661.512	872.172.112	901.211.231		151.700.631
	...						
06	Công ty cổ phần Việt Đức		365.281.239	1.992.313.209	1.901.223.127		274.191.157
	...						
10	Công ty xây dựng Bảo Thành		49.356.450	1.288.760.050	1.489.891.290		250.487.690
	...						
	<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>1.766.388.266</b>	<b>13.946.206.000</b>	<b>13.195.514.230</b>	<b>0</b>	<b>1.015.696.496</b>

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người lập**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

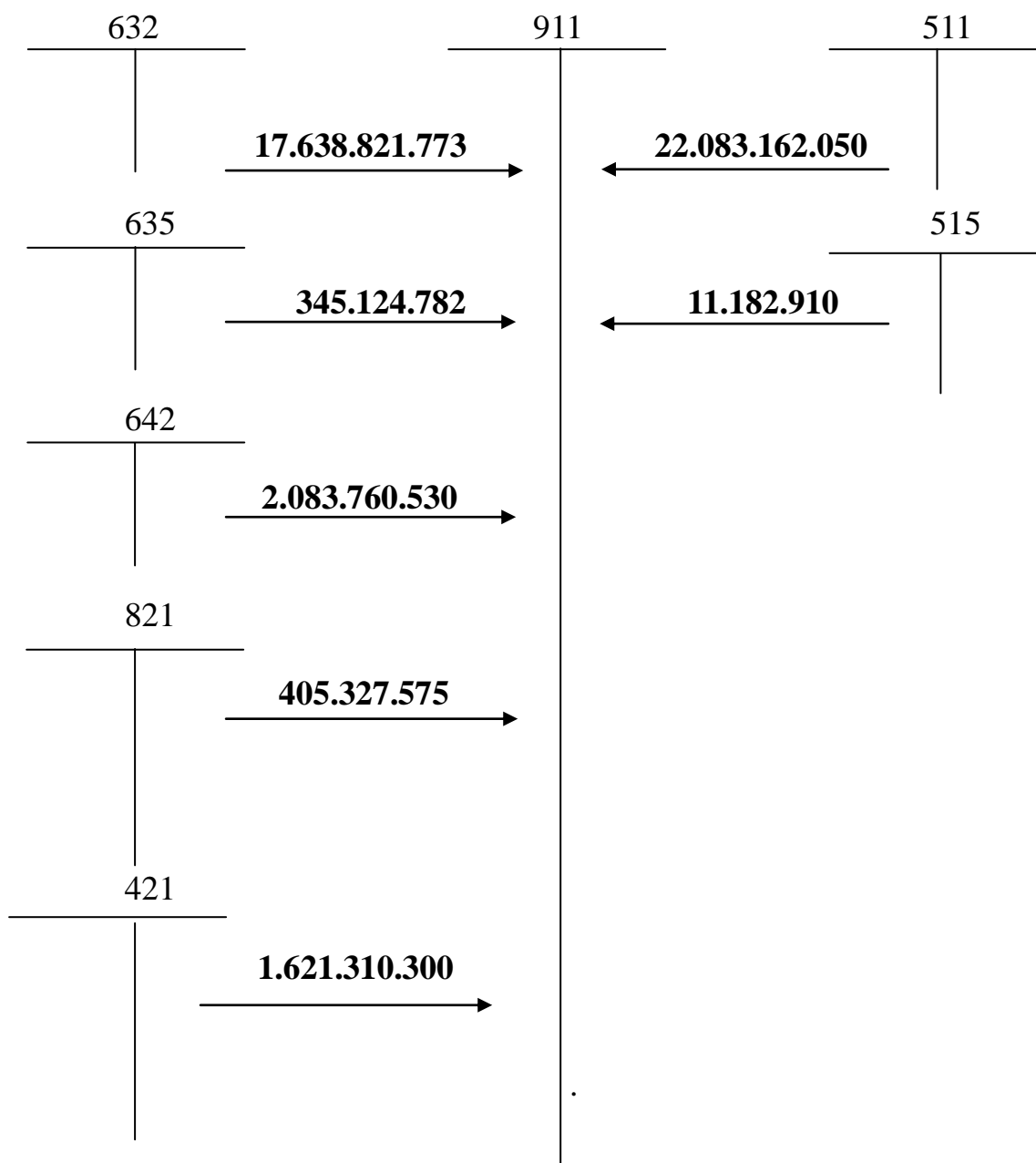
**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành)

2.2.2.3. Thực hiện các bút toán kết chuyển và khóa sổ kế toán

Tiếp theo, công ty tiến hành thực hiện các bút toán kết chuyển và xác định kết quả kinh doanh. Số liệu được tổng hợp qua sơ đồ 2.4 sau:



Sơ đồ 2.4 Sơ đồ xác định doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh

2.2.2.4. Lập Bảng cân đối tài khoản tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành

Bảng cân đối tài khoản là phương pháp kỹ thuật dùng để kiểm tra một cách tổng quát số liệu kế toán đã ghi trên các tài khoản tổng hợp.

Bảng cân đối tài khoản được xây dựng trên 2 cơ sở:

- Tổng số dư bên Nợ đầu năm và cuối năm của tất cả các tài khoản tổng hợp phải bằng tổng số dư bên Có đầu năm và cuối năm của tất cả các tài khoản tổng hợp.

- Tổng số phát sinh bên Nợ của các tài khoản tổng hợp phải bằng tổng số phát sinh bên Có của các tài khoản tổng hợp.

- Cột số thứ tự: Dùng để đánh số theo tuần tự cho các tài khoản đã sử dụng trong kỳ từ tài khoản thứ nhất cho tới hết.

- Cột số hiệu tài khoản: Dùng để ghi số hiệu của các tài khoản từ loại 1 đến loại 9. Mỗi tài khoản ghi trên một dòng, ghi từ tài khoản có số hiệu nhỏ đến tài khoản có số hiệu lớn, không phân biệt tài khoản có còn số dư cuối kỳ hay không hoặc trong kỳ có số phát sinh hay không.

- Cột tên tài khoản: Dùng để ghi tên của các tài khoản từ loại 1 đến loại 9. Mỗi tài khoản ghi trên một dòng tương ứng với số hiệu tài khoản.

- Cột số dư đầu kỳ: Số liệu ghi số dư đầu kỳ của các tài khoản được lấy từ các sổ cái tương ứng. Nếu số dư bên Nợ ghi vào cột Nợ, số dư bên Có ghi vào cột Có.

- Cột số phát sinh trong kỳ: Số cộng phát sinh trên các sổ cái được sử dụng để ghi vào tổng số phát sinh trong kỳ của các tài khoản tương ứng, tổng số phát sinh Nợ ghi vào cột Nợ, tổng số phát sinh Có ghi vào cột Có.

- Cột số dư cuối kỳ: Số liệu ghi số dư cuối kỳ của các tài khoản được lấy từ các sổ cái tương ứng. Số dư bên Nợ ghi vào cột Nợ, số dư bên Có ghi vào cột Có.

- Cuối cùng, tính ra tổng của tất cả các cột để so sánh giữa bên Nợ và bên Có của từng cột: Số dư đầu kỳ, số phát sinh trong kỳ, số dư cuối kỳ có bằng nhau từng cặp một hay không.



---

**Ví dụ:** Cách lập chỉ tiêu Hàng hóa – TK 156 trên Bảng cân đối tài khoản của Công ty vào năm 2018.

- Cột “Số hiệu tài khoản” là: 156
- Cột “Tên tài khoản” là: Hàng hóa
- Cột “Số dư đầu năm”: Số liệu để ghi vào cột này là số dư Nợ đầu năm trên Sổ cái TK 156, số tiền là: **1.593.824.899** đồng.
- Cột “Số phát sinh trong năm”: Số tiền ghi vào cột Nợ căn cứ vào cột cộng phát sinh bên Nợ trên Sổ cái TK 156, số tiền là: **11.560.282.415** đồng. Số liệu ghi vào cột Có căn cứ vào cột cộng phát sinh bên Có trên Sổ cái TK 156, số tiền là: **10.846.186.891** đồng.
- Cột “Số dư cuối năm”: Số liệu để ghi vào cột này là số dư bên Nợ trên Sổ cái TK 156, số tiền **2.307.920.423** đồng.

Các chỉ tiêu khác trên Bảng cân đối tài khoản được lập tương tự.

Cộng số phát sinh trên Bảng cân đối tài khoản bằng số cộng trên sổ Nhật ký chung, số tiền: **162.242.739.367** đồng.

**Biểu 2.12. Trích Bản kê cân đối tài khoản**

**Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành**  
Thôn 3, Xã. Tân Dương, Huyện. Thủy Nguyên, Thành phố. Hải Phòng

**Mẫu số F01 – DNN**  
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

**BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN**  
**Năm 2018**

Đơn vị tính: đồng

TT	SH TK	Tên tài khoản	Dư nợ đầu năm	Dư có đầu năm	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Dư nợ cuối năm	Dư có cuối năm
1	111	Tiền mặt	333.476.210		6.980.841.138	6.801.665.129	512.652.219	
2	112	Tiền gửi ngân hàng	275.750.903		29.983.449.685	29.098.277.655	1.160.922.933	
3	131	Phải thu khách hàng	2.115.442.003		18.785.204.824	18.538.110.235	2.362.536.592	
4	133	Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	0		1.261.882.970	1.261.882.970	0	
5	154	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.179.166.321		6.884.996.366	6.792.634.882	2.271.527.805	
6	156	Hàng hóa	1.593.824.899		11.560.282.415	10.846.186.891	2.307.920.423	
7	211	Nguyên giá TSCĐ	7.439.821.220		0	0	7.439.821.220	
8	214	Hao mòn lũy kế		2.056.221.990	0	774.164.939		2.830.386.929
9	242	Chi phí trả trước dài hạn	213.672.880		636.352.000	374.566.552	475.458.328	
10	331	Phải trả cho người bán		1.766.388.266	13.946.206.000	13.195.514.230		1.015.696.496
11	333	Thuế và các khoản phải nộp NN			1.987.356.231	2.211.316.205		223.959.974
12	334	Phải trả người lao động		298.255.387	3.452.771.521	3.432.719.288		278.203.154
13	338	Các khoản phải trả phải nộp khác		128.544.180	1.151.671.637	1.072.665.511		49.538.054

TT	TK	Tên tài khoản	Dư nợ đầu năm	Dư có đầu năm	Phát sinh nợ	Phát sinh Có	Dư nợ cuối năm	Dư có cuối năm
14	341	Vay và nợ thuê tài chính		1.200.000.000	950.000.000	1.560.000.000		1.810.000.000
15	411	Nguồn vốn kinh doanh		9.000.000.000				9.000.000.000
16	421	Lãi chưa phân phối	298.255.387			1.621.310.300		1.323.054.913
17	511	Doanh thu bán hàng			22.083.162.050	22.083.162.050		
18	515	Doanh thu hoạt động tài chính			11.182.910	11.182.910		
19	632	Giá vốn hàng bán			17.638.821.773	17.638.821.773		
20	635	Chi phí hoạt động tài chính			345.124.782	345.124.782		
21	642	Chi phí quản lý kinh doanh			2.083.760.530	2.083.760.530		
22	821	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			405.327.575	405.327.575		
23	911	Xác định kết quả kinh doanh			22.094.344.960	22.094.344.960		
		<b>Tổng cộng</b>	<b>14.449.409.823</b>	<b>14.449.409.823</b>	<b>162.242.739.367</b>	<b>162.242.739.367</b>	<b>16.530.839.520</b>	<b>16.530.839.520</b>

Hải phòng, ngày 31 tháng 01 năm 2019

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành)

**2.2.2.5: Lập Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành.**

Cột số đầu năm: Số liệu được lấy từ số liệu cuối năm trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành năm 2018.

Cột số cuối năm: Kế toán căn cứ vào các Sổ Cái, Bảng tổng hợp chi tiết Tài khoản và Bảng cân đối tài khoản năm 2018 của Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành để lập các chỉ tiêu trong Báo cáo tình hình tài chính .

**Cụ thể về cách lập các chỉ tiêu cuối năm:**

**PHẦN TÀI SẢN**

+ *Tiền và các khoản tương đương tiền (Mã số 110)*

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Nợ của các TK 111, 112 trên Bảng cân đối tài khoản, tổng số tiền: **1.673.575.152** đồng

+ *Phải thu của khách hàng (Mã số 131)*

Chỉ tiêu này phản ánh số tiền còn phải thu của khách hàng tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Nợ chi tiết của TK 131 mở theo từng khách hàng trên Bảng tổng hợp phải thu khách hàng, số tiền: **3.212.536.592** đồng.

+ *Hàng tồn kho (Mã số 141)*

Chỉ tiêu này phản ánh tổng giá trị của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của các TK 154+156 trên Bảng cân đối tài khoản, số tiền: **4.579.448.228** đồng.

+ *Nguyên giá (Mã số 151)*

Chỉ tiêu này phản ánh toàn bộ nguyên giá các loại tài sản cố định tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của TK 211 trên Bảng cân đối tài khoản, số tiền: **7.439.821.220** đồng

+ *Giá trị hao mòn lũy kế (Mã số 152)*

Chỉ tiêu này phản ánh toàn bộ giá trị đã hao mòn của các loại tài sản cố định lũy kế tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của các TK

2141, 2143 trên Bảng cân đối tài khoản và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...), số tiền: **2.830.386.929** đồng.

+ *Tài sản khác (Mã số 182)*

Chỉ tiêu này phản ánh tổng giá trị các tài sản khác tại thời điểm báo cáo, như: Chi phí trả trước, thuế và các khoản khác nộp thừa cho Nhà nước. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Nợ chi tiết các TK 242 trên Bảng cân đối tài khoản, số tiền: **475.458.328** đồng.

- *Tổng cộng tài sản (Mã số 200)*

Mã số 200 = Mã số 110 + Mã số 120 + Mã số 130 + Mã số 140 + Mã số 150 + Mã số 160 + Mã số 170 + Mã số 180, số tiền: **14.550.452.591** đồng.

### **PHÂN NGUỒN VỐN:**

#### **I. Nợ phải trả (Mã số 300)**

+ *Phải trả người bán (Mã số 311)*

Chỉ tiêu này phản ánh số tiền còn phải trả cho người bán tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Có chi tiết của TK 331 mở cho từng người bán trên Bảng tổng hợp phải người bán hoặc số dư bên Có trên TK 331 trong bảng Cân đối tài khoản (do cuối kỳ TK 331 trên các chi tiết không có số dư bên nợ), số tiền: **1.015.696.496** đồng.

+ *Người mua trả tiền trước (Mã số 312)*

Chỉ tiêu này phản ánh số tiền người mua ứng trước để mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, tài sản cố định, bất động sản đầu tư và doanh nghiệp có nghĩa vụ cung cấp tại thời điểm báo cáo (không bao gồm các khoản doanh thu nhận trước).

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Có chi tiết của TK 131 mở cho từng khách hàng, số tiền: **850.000.000** đồng.

+ *Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (Mã số 313)*

Chỉ tiêu này phản ánh các khoản doanh nghiệp còn phải trả nộp nhà nước tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có trên TK 333 trong Bảng cân đối tài khoản, số tiền: **223.959.974** đồng.

+ *Phải trả người lao động (Mã số 314)*

Chỉ tiêu này phản ánh các khoản doanh nghiệp còn phải trả cho người lao động tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có của TK 334 trong bảng Cân đối tài khoản, số tiền: **278.203.154** đồng.

+ *Phải trả khác (Mã số 315)*

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có của TK 338 trong bảng Cân đối tài khoản, số tiền: **49.538.054** đồng.

+ *Vay và nợ thuê tài chính (Mã số 316)*

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có của TK 341 trong bảng Cân đối tài khoản, số tiền: **1.810.000.000** đồng.

**II. *Vốn chủ sở hữu (mã số 400)***

+ *Vốn góp của chủ sở hữu (Mã số 411)*

Chỉ tiêu này phản ánh tổng số vốn đã thực góp của các chủ sở hữu vào doanh nghiệp (đối với công ty cổ phần phản ánh vốn góp của các cổ đông theo mệnh giá cổ phiếu) tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 411 trong bảng Cân đối tài khoản, số tiền: **9.000.000.000** đồng.

+ *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 517)*

Chỉ tiêu này phản ánh số lãi (hoặc lỗ) sau thuế chưa phân phối tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 421 trong bảng Cân đối tài khoản, số tiền: **1.323.054.913** đồng.

Chỉ tiêu “Tổng cộng  
Tài sản Mã số 200” = Chỉ tiêu “Tổng cộng  
Nguồn vốn Mã số 500” = **14.550.452.591 đồng**

Sau đây là Báo cáo tình hình tài chính lập tại thời điểm 31/12/2108 của Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành:

**Biểu 2.13. Báo cáo tình hình tài chính của Công ty năm 2018**

Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành  
Thôn 3, Xã. Tân Dương, Huyện. Thủy Nguyên, Thành  
phố. Hải Phòng

Mẫu số B01a – DNN  
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày  
26/8/2016 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1.673.575.152</b>	<b>609.227.113</b>
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	122			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	123			
4. Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính (*)	124			
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>3.212.536.592</b>	<b>2.585.442.003</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		3.212.536.592	2.585.442.003
2. Trả trước cho người bán	132			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	133			
4. Phải thu khác	134			
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	135			
6. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	136			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>4.579.448.228</b>	<b>3.772.991.220</b>
1. Hàng tồn kho	141		4.579.448.228	3.772.991.220
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản cố định</b>	<b>150</b>		<b>4.609.434.291</b>	<b>5.383.599.230</b>
1 Nguyên giá	151		7.439.821.220	7.439.821.220
2 Giá trị hao mòn lũy kế (*)	152		(2.830.386.929)	(2.056.221.990)
<b>VI. Bất động sản đầu tư</b>	<b>160</b>			
- Nguyên giá	161			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	162			
<b>VII. XDCB dở dang</b>	<b>170</b>			
<b>VIII. Tài sản khác</b>	<b>180</b>		<b>475.458.328</b>	<b>213.672.880</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	181			
2. Tài sản khác	182		475.458.328	213.672.880
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>200</b>		<b>14.550.452.591</b>	<b>12.564.932.446</b>

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>I. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>4.227.397.678</b>	<b>3.863.187.833</b>
1. Phải trả người bán	311		1.015.696.496	1.766.388.266
2. Người mua trả tiền trước	312		850.000.000	470.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		223.959.974	0
4. Phải trả người lao động	314		278.203.154	298.255.387
5. Phải trả khác	315		49.538.054	128.544.180
6. Vay và nợ thuê tài chính	316		1.810.000.000	1.200.000.000
7. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	317			
8. Dự phòng phải trả	318			
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	319			
10. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	320			
<b>II. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>10.323.054.913</b>	<b>8.701.744.613</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		9.000.000.000	9.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415			
6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	416			
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		1.323.054.913	(298.255.387)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>500</b>		<b>14.550.452.591</b>	<b>12.564.932.446</b>

Hải phòng, ngày 31 tháng 01 năm 2019

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành)



#### 2.2.2.6: Kiểm tra, ký duyệt

Sau khi lập xong Báo cáo tình hình tài chính, kế toán trưởng kiểm tra lại một lần nữa các chỉ tiêu, sau đó ký để chịu trách nhiệm về số liệu làm ra. Cuối cùng, Báo cáo tình hình tài chính và các báo cáo tài chính khác sẽ được kế toán trưởng trình lên Giám đốc xem xét và ký duyệt. Như vậy, công tác lập Báo cáo tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành được hoàn thành.

### **2.3 Thực trạng công tác phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành.**

Phân tích Báo cáo tình hình tài chính là một trong những căn cứ quan trọng để các nhà quản trị Công ty có thể đưa ra những đánh giá toàn diện và sát thực về tình hình tài sản, nguồn vốn của Công ty.

Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành là một doanh nghiệp vừa và nhỏ, số nhân viên kế toán ít nên trong những năm qua việc phân tích Báo cáo tình hình tài chính không được thực hiện.

### CHƯƠNG III

## MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ THÀNH

### 3.1. Những ưu điểm và hạn chế trong công tác kế toán nói chung và công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính nói riêng tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành.

#### 3.1.1. Ưu điểm:

- Về tổ chức bộ máy quản lý :

Với bộ máy quản lý gọn nhẹ thống nhất từ trên xuống dưới, Công ty đã xây dựng bộ máy quản lý theo mô hình trực tuyến chức năng và hạch toán phù hợp với nhu cầu của nền kinh tế thị trường. Ngoài chức năng nhiệm vụ của mình các phòng ban còn giúp đỡ nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Về bộ máy kế toán:

Phòng kế toán của công ty có 4 người trong đó có 1 kế toán trưởng cùng 2 kế toán viên và 1 thủ quỹ kiêm kế toán TSCĐ, giá thành. Kế toán trưởng là người có kinh nghiệm, năng lực và trình độ trong lĩnh vực kế toán. Các nhân viên đều là người có chuyên môn và được phân công đúng trách nhiệm và năng lực của mình. Công ty lựa chọn loại hình tổ chức kế toán tập trung phù hợp với quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được hạch toán nhanh chóng và chính xác.

Với mô hình kế toán này, việc hạch toán đảm bảo tập trung thống nhất và chặt chẽ giúp cho việc kiểm tra chỉ đạo kịp thời.

- Về hệ thống sổ sách kế toán:

Công ty đã áp dụng hình thức “ Nhật ký chung” – đây là hình thức đơn giản, dễ làm. Hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán tương đối đầy đủ theo quy định của chế độ kế toán hiện hành, đảm bảo hoạt động của Công ty và tạo được mối quan hệ mật thiết với các bộ phận trong toàn hệ thống kế toán tại Công ty. Việc tổ chức luân chuyển chứng

từ ở phòng kế toán đã góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho việc hạch toán kế toán được nhanh chóng, chính xác và hiệu quả.

- Công ty đã lập Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính.

- Trước khi tiến hành lập bảng Báo cáo tình hình tài chính, kế toán đã tiến hành kiểm tra lại chứng từ, số liệu trên các sổ kế toán đảm bảo tính chính xác về nội dung và số liệu của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Công tác kiểm tra tính chính xác, trung thực của các nghiệp vụ kinh tế được tiến hành thường xuyên liên tục là một trong những yếu tố quan trọng giúp cho công tác lập Báo cáo tình hình tài chính của công ty được nhanh chóng, chính xác và phản ánh đúng tình hình hoạt động kinh doanh của công ty trong kỳ kế toán.

- Việc lập Báo cáo tình hình tài chính được lên kế hoạch cụ thể, chia thành các bước rõ ràng. Trước khi lập Báo cáo tình hình tài chính, kế toán tổng hợp đã tiến hành kiểm tra các chứng từ sổ sách đảm bảo tính chính xác về số liệu, nội dung. Sự kiểm tra chính xác, trung thực đã giúp cho công tác lập Báo cáo tình hình tài chính của công ty được nhanh chóng, chính xác và phản ánh đúng tình hình tài chính của công ty trong kỳ kế toán.

### ***3.1.2. Nhược điểm:***

Bên cạnh những ưu điểm đã nêu trên, công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành còn mắc phải những mặt hạn chế:

+ *Về công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính.*

Công ty chưa quan tâm đến việc phân tích Báo cáo tình hình tài chính nói riêng và Báo cáo tài chính nói chung. Như vậy, Công ty đã bỏ qua một công cụ đắc lực hỗ trợ, giúp đỡ cho công tác quản lý tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty một cách tốt nhất. Đồng thời nếu chỉ căn cứ vào các chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính thì chưa thấy rõ được các khía cạnh của tình hình tài chính của Công ty như là sự biến động, tính cân đối của tài sản và nguồn vốn của Công ty. Vì vậy khiến cho người sử dụng thông tin khó nắm bắt được tình hình tài chính của Công ty và việc đề

ra những biện pháp khắc phục những hạn chế của Công ty còn yếu, chưa mang lại hiệu quả cao.

+ Về việc ứng dụng tin học vào công tác kế toán.

Hiện tại, công ty đang áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Công ty làm kế toán thủ công và lập chương trình kế toán trên Excel để hỗ trợ làm việc chứ không dùng phần mềm kế toán chuyên dụng nên việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh còn chậm và hay sai sót, mất nhiều thời gian, phải lập nhiều sổ, đôi khi đối chiếu còn dẫn đến nhầm lẫn, đôi khi làm cho việc cung cấp thông tin chưa nhanh chóng kịp thời.

### **3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác lập phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành.**

**Ý kiến thứ nhất: Hoàn thiện công tác phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty.**

Để nâng cao hiệu quả cho công tác phân tích Báo cáo tình hình tài chính, Ban lãnh đạo và phòng kế toán công ty nên lập kế hoạch phân tích cụ thể. Theo em, ta có thể tiến hành phân tích theo trình tự như sau:

*Bước 1: Lập kế hoạch phân tích*

+ Chỉ rõ nội dung cần phân tích: Nội dung phân tích có thể bao gồm:

- Phân tích mức độ biến động và cơ cấu biến động của tài sản và nguồn vốn trong Công ty.

- Phân tích khả năng tự chủ về vấn đề tài chính của Công ty.

- Phân tích tình hình tài chính của Công ty thông qua các tỷ số tài chính cơ bản.

+ Lựa chọn phương pháp phân tích: Để phục vụ cho công tác Phân tích ta có thể sử dụng các phương pháp như: phương pháp so sánh và phương pháp tỷ lệ.

*Bước 2: Thực hiện quá trình phân tích*

+ Xác định nguồn tài liệu phục vụ cho công tác phân tích:

Ta sử dụng nguồn tài liệu hạch toán Như Báo cáo tình hình tài chính của hai năm gần nhất với năm cần phân tích, số liệu của các doanh nghiệp cùng ngành, những thông tin kinh tế trong và ngoài nước (đã được kiểm tra tính xác thực) để phục vụ cho

nội dung cần phân tích....

+ Chính lý, xử lý số liệu, tính toán các chỉ tiêu và tiến hành phân tích:

Do tài liệu được sưu tầm từ nhiều nguồn khác nhau vì vậy trước khi tính toán các chỉ tiêu và đánh giá tình hình phải đối chiếu, kiểm tra tính trung thực, hợp lý các số liệu đưa vào tính toán, lựa chọn phương pháp phân tích thích hợp để đảm bảo đánh giá được tình hình, xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố và cung cấp thông tin cần thiết phục vụ yêu cầu quản lý.

Trên cơ sở mục tiêu và nguồn số liệu, bộ phận phân tích cần xây dựng một hệ thống các chỉ tiêu phân tích. Tuy nhiên, hệ thống này không nên quá nhiều nhằm giảm bớt thời gian tính toán, việc phân tích cần phân tích đi vào chiều sâu, các chỉ tiêu cần bám sát mục tiêu cần phân tích. Đặc biệt chú trọng những chỉ tiêu có sự biến đổi lớn (mang tính bất thường) và những chỉ tiêu quan trọng, phải bám sát thực tế Công ty và các chỉ tiêu phân tích có mối quan hệ chặt chẽ với nhau nhằm tránh việc kết luận một cách phiến diện thiếu chính xác.

Đây là khâu quan trọng nhất, quyết định chất lượng của công tác phân tích.

*Bước 3 : Lập báo cáo phân tích (kết thúc quá trình phân tích):*

Báo cáo phân tích phải bao gồm:

+ Đánh giá được ưu điểm, khuyết điểm chủ yếu trong công tác quản lý tài sản, nguồn vốn của Công ty.

+ Chỉ ra được những nguyên nhân cơ bản đã tác động tích cực, tiêu cực đến việc phân bổ tài sản, nguồn vốn của đơn vị.

+ Nêu được các biện pháp cụ thể để cải tiến công tác đã qua động viên khai thác khả năng tiềm tàng trong kỳ tới.

Với việc tổ chức công tác phân tích này, nội dung phân tích tình hình tài chính thông qua Báo cáo tình hình tài chính của Công ty sẽ được phân tích kỹ hơn, sâu hơn, và đánh giá được toàn diện hơn về tài chính của Công ty. Vận dụng vào thực trạng công tác hạch toán kế toán của Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành và để công tác phân tích tình hình tài chính thông qua Báo cáo tình hình tài chính

được tốt, ta nên thực hiện các nội dung phân tích cụ thể sau đây:

❖ ***Phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản***

Phân tích tình hình biến động tăng giảm và cơ cấu tài sản là thực hiện việc so sánh sự biến động trên tổng tài sản cũng như từng loại tài sản giữa cuối năm so với đầu năm. Đồng thời còn phải xem xét tỷ trọng từng loại tài sản chiếm trong tổng số và xu hướng biến động của chúng để thấy được cơ cấu tài sản của doanh nghiệp là hợp lý hay chưa từ đó đưa ra các giải pháp về vốn cũng như cơ cấu vốn thời gian tới phù hợp. Biểu số liệu 3.1 dưới đây sẽ đi vào phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành.

**Biểu số 3.1: Phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản của Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành**

## BẢNG PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VÀ CƠ CẤU TÀI SẢN

*Đơn vị tính: đồng*

TÀI SẢN	31/12/2017		31/12/2018		Chênh lệch		
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Số tương đối	Tỷ trọng
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	609.227.113	4.8%	1.673.575.152	11.5%	1.064.348.039	174.7%	6.7%
III. Các khoản phải thu	2.585.442.003	20.6%	3.212.536.592	22.1%	627.094.589	24.3%	1.5%
IV. Hàng tồn kho	3.772.991.220	30.0%	4.579.448.228	31.5%	806.457.008	21.4%	1.4%
V. Tài sản cố định	5.383.599.230	42.8%	4.609.434.291	31.7%	-774.164.939	-14.4%	-11.2%
VIII. Tài sản khác	213.672.880	1.7%	475.458.328	3.3%	261.785.448	122.5%	1.6%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>12.564.932.446</b>	<b>100.0%</b>	<b>14.550.452.591</b>	<b>100.0%</b>	<b>1.985.520.145</b>	<b>15.8%</b>	

*(Theo số liệu được tổng hợp từ Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành)*

Qua số liệu trên ta thấy tổng tài sản của Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành cuối năm 2018 so với cuối năm 2017 đã tăng lên 1.985.520.145 đồng, tương ứng tăng 15,8%. Như vậy có thể nhận thấy Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành đã quan tâm tới việc mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên ta cần xem xét đến các khoản mục cụ thể trong tổng tài sản để thấy được sự tác động của chúng ảnh hưởng như thế nào đến tình hình tài chính của doanh nghiệp.

+ Tiền và các khoản tương đương tiền: Nhận thấy, chỉ tiêu này cuối năm 2018 so với cuối năm 2017 tăng 1.064.348.039 đồng, tương ứng tăng 174,7 % (tiền tăng là ro cuối năm Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành lấy tiền từ các khách hàng). Điều này cho thấy tiền của doanh nghiệp tăng lên làm cho khả năng thanh toán nhanh và thanh toán ngắn hạn của doanh nghiệp tăng, đây là một dấu hiệu tốt đối với Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành.

+ Các khoản phải thu: Các khoản phải thu cuối năm 2017 là 2.585.442.003 đồng, chiếm 20,6% trong tổng tài sản, cuối năm 2018 khoản nợ phải thu là 3.212.536.592 đồng chiếm 22,1%, tăng 627.094.589 đồng, tương đương với tăng 24,3%, tỷ trọng tăng 1,5%. Các khoản nợ phải thu của Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành tại thời điểm đầu năm và cuối năm đều chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong tổng tài sản và năm sau lại cao hơn năm trước điều này cho thấy công ty đã không làm tốt công tác thu hồi nợ dẫn đến vốn của doanh nghiệp bị chiếm dụng. Trong thời gian tới Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành cần:

- Có những biện pháp để thu hồi vốn nhanh như áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán để khuyến khích khách hàng trả nợ sớm.

- Thường xuyên đối chiếu công nợ để chốt số dư nợ với khách hàng từ đó có cơ sở để đôn đốc thu hồi nợ.

- Tiến hành tính toán và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản nợ quá hạn.

- Xóa sổ những khoản nợ được xác định là không đòi được để số liệu trên Báo



cáo tình hình tài chính phản ánh đúng tình hình thực tế nợ phải thu tại đơn vị.

+ Hàng tồn kho cuối năm 2017 là 3.772.991.220 đồng đến cuối năm 2018 của Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành tăng lên là 4.579.448.228 đồng, chiếm 31,5%. Như vậy, hàng tồn kho năm 2018 so với 2017 đã tăng lên 806.457.008 đồng, tương đương tăng 21,4% và cơ cấu hàng tồn kho năm 2018 so với năm 2017 cũng tăng 1,4%. Hàng tồn kho của công ty bao gồm giá trị sản phẩm dở dang đối với hoạt động xây lắp và giá trị hàng hóa mua về để bán. Trong khi giá trị sản phẩm dở dang không biến động nhiều giữa đầu kỳ và cuối kỳ thì hàng hóa mua về kinh doanh có sự biến động lớn giữa hai thời điểm. Hàng hóa tồn kho tăng thể hiện công tác tiêu thụ hàng hóa của công ty gặp khó khăn, hàng hóa mua về tồn kho sẽ làm tăng chi phí lưu kho lưu bãi do vậy công ty cần có chính sách bán hàng hợp lý để tăng khối lượng hàng bán ra, giảm chi phí lưu kho; các giải pháp cụ thể:

- Áp dụng phương thức bán hàng linh hoạt cho từng đối tượng khách hàng để khuyến khích khách hàng mua hàng của Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành như phương thức bán trực tiếp, bán giao tay ba...

- Áp dụng phương thức thanh toán linh hoạt đối với từng đối tượng khách hàng trong từng hoàn cảnh cụ thể.

+ Tài sản cố định: Qua bảng cơ cấu tài sản, tài sản cố định của Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành năm 2018 so với năm 2017 giảm 774.164.939 đồng. Giá trị tài sản cố định giảm là do chi phí khấu hao doanh nghiệp trích trong năm 2018. Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành không mua thêm tài sản cố định trong năm 2018. Điều này cho thấy doanh nghiệp đã không chú trọng đầu tư vào TSCĐ.

+ Tài sản khác của Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành chiếm tỷ trọng tương đối nhỏ, đầu năm là 213.672.880 đồng, chiếm 1,9%, cuối năm là: 475.458.328 đồng, chiếm 3,3%, cuối năm so với đầu năm tăng 261.785.448 đồng, tương đương 122,5%. Đây là khoản chi phí về công cụ dụng cụ của công ty cần phân bổ tiếp trong các kỳ tiếp theo. Cơ cấu này là hợp lý đối với Công ty Cổ phần Xây lắp

và Thương mại Phú Thành.

**❖ *Phân tích tình hình biến động và cơ cấu nguồn vốn***

Phân tích cơ cấu và tình hình biến động của từng loại nguồn vốn cuối năm so với đầu năm. Đồng thời qua phân tích cơ cấu nguồn vốn, sẽ giúp cho chúng ta nắm được cơ cấu nguồn vốn huy động, biết được trách nhiệm của doanh nghiệp đối với các nhà cho vay, nhà cung ứng, người lao động, ngân sách. Sau đây là bảng phân tích tình hình biến động và cơ cấu nguồn vốn của Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành.

**Biểu số 3.2: Phân tích tình hình biến động và cơ cấu nguồn vốn của Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành.**

## BẢNG PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VÀ CƠ CẤU NGUỒN VỐN

*Đơn vị tính: đồng*

NGUỒN VỐN	31/12/2017		31/12/2018		Chênh lệch		
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Số tương đối	Tỷ trọng
<b>I. Nợ phải trả</b>	3.863.187.833	30.7%	4.227.397.678	29.1%	364.209.845	9.4%	-1.7%
1. Phải trả người bán	1.766.388.266	45.7%	1.015.696.496	24.0%	-750.691.770	-42.5%	-21.7%
2. Người mua trả tiền trước	470.000.000	12.2%	850.000.000	20.1%	380.000.000	80.9%	7.9%
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	0	0.0%	223.959.974	5.3%	223.959.974		5.3%
4. Phải trả người lao động	298.255.387	7.7%	278.203.154	6.6%	-20.052.233	-6.7%	-1.1%
5. Phải trả khác	128.544.180	3.3%	49.538.054	1.2%	-79.006.126	-61.5%	-2.2%
6. Vay và nợ thuê tài chính	1.200.000.000	31.1%	1.810.000.000	42.8%	610.000.000	50.8%	11.8%
<b>II. Vốn chủ sở hữu</b>	8.701.744.613	69.3%	10.323.054.913	70.9%	1.621.310.300	18.6%	1.7%
1. Vốn góp của chủ sở hữu	9.000.000.000	103.4%	9.000.000.000	87.2%	0	0.0%	-16.2%
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-298.255.387	-3.4%	1.323.054.913	12.8%	1.621.310.300	543.6%	16.2%
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>12.564.932.446</b>	<b>100%</b>	<b>14.550.452.591</b>	<b>100%</b>	<b>1.985.520.145</b>	<b>15.8%</b>	

*(Theo số liệu được tổng hợp từ Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành)*

Qua bảng phân tích tình hình biến động vốn và cơ cấu vốn của Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành, cho ta thấy:

+ *Nợ phải trả:*

Nợ phải trả cuối năm 2018 so với năm 2017 của Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành tăng 364.209.845 đồng, tương đương tăng 9,4%. Tuy nhiên, xét về cơ cấu cuối năm 2018 chiếm 29,1%, cuối năm 2017 chiếm 30,7%, năm 2018 so với 2017 giảm 1,7%. Như vậy, xét về cơ cấu thì nợ phải trả chiếm tỷ trọng nhỏ hơn nguồn vốn chủ sở hữu qua các năm và cơ cấu này là hợp lý đối với doanh nghiệp vì tỷ lệ nợ phải trả nhỏ hơn nguồn vốn chủ sở hữu sẽ làm tăng khả năng tự chủ về tài chính cho Công ty, doanh nghiệp có khả năng độc lập về tài chính. Tuy nhiên ta cần xem xét đến các khoản mục cụ thể trong tổng nợ phải trả để thấy được sự tác động của chúng ảnh hưởng như thế nào đến tình hình tài chính của doanh nghiệp:

- *Nợ phải trả người bán:* Qua số liệu ta thấy nợ phải trả người bán chiếm tỷ trọng cao trong tổng nợ phải trả của Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành; cụ thể: cuối năm 2017 là: 1.766.388.266 đồng, chiếm 45,7% trong tổng nợ; sang đến cuối năm 2018 giảm xuống còn là: 1.015.696.496 đồng, chiếm 24,0% trong tổng nợ phải trả; Xét về số tuyệt đối, nợ phải người bán trả giảm 750.691.770 đồng, tương đương giảm 42.5%, tỷ trọng giảm 21,7%. Như vậy, cả số tuyệt đối và số tương đối đều giảm cho thấy quan hệ thanh toán của Công ty với nhà cung cấp đã được cải thiện đáng kể, công ty cần phát huy hơn nữa.

- *Đối với khoản người mua trả tiền trước:* Chỉ tiêu người mua trả tiền trước cuối năm là 850.000.000 đồng, chiếm 20.1%. Do là đặc thù của doanh nghiệp xây lắp nên Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành sẽ được ứng trước một phần tiền nhất định khi thực hiện hợp đồng.

- *Đối với khoản thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước,* đầu năm 2018 Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành không nợ NSNN, cuối năm nợ 223.959.974 đồng, chiếm 5,3% xét về tỷ trọng thì chiếm tỷ lệ tương đối nhỏ trong nợ phải trả nhưng xét về số tuyệt đối thì khoản này cuối năm so với đầu năm tăng 223.959.974 đồng. Khoản thuế tăng lên là hợp lý bởi thời điểm báo cáo

được lập là khi doanh nghiệp chưa nộp một phần thuế thu nhập doanh nghiệp (khoản nợ này chưa quá hạn) nên làm cho chỉ tiêu này tăng lên.

- Đối với khoản phải trả người lao động tại thời điểm đầu năm và cuối năm là số tiền lương tháng 12 Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành chưa trả cho người lao động và khoản nợ này vẫn nằm trong phạm vi cho phép về thời gian (doanh nghiệp tổng hợp số liệu chốt đến ngày 31/12/2018).

- Đối với khoản phải trả khác chiếm tỷ trọng hợp lý trong nợ phải trả của Công ty.

- Đối với khoản Vay và nợ thuê tài chính: Cuối năm so với đầu năm khoản này đã tăng 610.000.000 đồng, tương đương tăng 50.8%; tỷ trọng tăng 11.8% điều này cho thấy Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành đã tiếp tục đi vay bên ngoài để bổ sung số vốn thiếu hụt cho kinh doanh.

#### *+Vốn chủ sở hữu*

Xét về giá trị, vốn chủ sở hữu cuối năm 2018 tăng so với cuối năm 2017 là 1.621.310.300 đồng, tương đương tăng 18,6% (khoản tăng này là do lợi nhuận của doanh nghiệp đạt được trong năm 2018). Xét về cơ cấu, vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành cuối năm 2018 chiếm 70,9%, cuối năm 2017 chiếm 69,3%, như vậy cuối năm 2018 đã tăng lên so với năm 2017 là 1,7%. Vốn chủ sở hữu chiếm tỷ lớn hơn nợ phải trả trong tổng nguồn vốn cho thấy doanh nghiệp có khả năng tự chủ về vấn đề tài chính, doanh nghiệp ít phải lệ thuộc nhiều vào bên ngoài. Bên cạnh đó, xét về xu hướng, thì cơ cấu vốn đang tiếp tục có xu hướng biến động theo chiều hướng tích cực hơn.

#### *❖ Phân tích một số chỉ tiêu tài chính cơ bản:*

Trong nền kinh tế thị trường, bất cứ doanh nghiệp nào cũng luôn coi trọng các quan hệ tín dụng. Bởi vì nó có thể giúp cho doanh nghiệp mở rộng được quy mô, đẩy nhanh quá trình sản xuất kinh doanh, làm cho quá trình kinh doanh diễn ra liên tục, giúp doanh nghiệp phát huy được thế mạnh. Muốn vậy các doanh nghiệp đòi hỏi phải có đủ năng lực tài chính đáp ứng các nghĩa vụ đối với các khoản vay tín dụng mà họ nhận được và đặc biệt là khả năng hoàn trả đúng hạn, các khoản vay tín dụng ngân hàng. Nếu doanh nghiệp có đủ khả năng thanh toán thì tình hình

tài chính sẽ khả quan và ngược lại. Các đối tượng có liên quan đến doanh nghiệp như các nhà đầu tư, các nhà cung cấp, chủ nợ... luôn đặt ra câu hỏi “ Liệu doanh nghiệp đó có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ khi đến hạn không”? Để đánh giá tình hình và khả năng thanh toán của Công ty, ta phân tích các hệ số về khả năng thanh toán như Biểu số 3.3 sau:

**Biểu 3.3: Phân tích một số chỉ tiêu tài chính cơ bản.**

**Phân tích một số chỉ tiêu tài chính cơ bản  
của Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành**

Chỉ tiêu	Công thức tính	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2018	Chênh lệch	
Hệ số khả năng thanh toán tổng quát	=	Tổng tài sản	lần	2,43	2,47	0,04
		Nợ phải trả				
Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	=	Tài sản ngắn hạn	lần	1,51	1,61	0,10
		Tổng nợ ngắn hạn				
Hệ số khả năng thanh toán nhanh	=	Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho	lần	0,84	1,08	0,24
		Tổng nợ ngắn hạn				
Hệ số vốn chủ sở hữu trên tài sản	=	Vốn chủ sở hữu	lần	0,59	0,6	0,01
		Tổng tài sản				

+ *Hệ số khả năng thanh toán tổng quát.*

Qua bảng số liệu ta thấy Hệ số thanh toán tổng quát củ Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành ty đều lớn hơn 2, cụ thể: Hế số thanh toán tổng quát năm 2017 là: 2,43 năm 2018 là 2,47. Xét cả về mặt lý luận và thực tiễn, điều đó cho thấy công ty có thể sử dụng tài sản của mình để thanh toán các khoản nợ, đây là một dấu hiệu tốt cho doanh nghiệp trong thời gian tới.

Xét sự biến động năm 2018 so với năm 2017 thì ta thấy Hệ số thanh toán tổng quát đã tăng 0.04 lần. Đây là một dấu hiệu tốt đối với Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành trong quan hệ thanh toán các khoản nợ nói chung, bởi tình hình thanh toán của công ty đã ngày càng được cải thiện.

+ *Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn.*

Hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú

Thành năm 2017 và năm 2018 đều lớn hơn 1; cụ thể: năm 2017 là 1,51 và năm 2018 là 1,61 điều đó cho thấy trong các năm này Công ty đều có khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn bằng tài sản ngắn hạn của mình. Hơn thế nữa, Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2018 đã tăng lên so với năm 2017 là 0,1 lần. Điều đó cho thấy khả năng thanh toán ngắn hạn của doanh nghiệp ngày càng khả quan hơn. Tuy nhiên trong thời gian tới công ty cần điều chỉnh hệ số này lớn hơn hoặc bằng 2 để đảm bảo tình hình thanh toán các khoản nợ ngắn hạn được tốt hơn.

+ *Hệ số khả năng thanh nhanh.*

Hệ số thanh toán nhanh của Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành năm 2017 chỉ đạt 0,84 lần và năm 2018 tăng lên là 1,08 lần điều đó cho thấy trong năm 2017 doanh nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu thanh toán nhanh các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn. Tuy nhiên, Hệ số thanh toán nhanh năm 2018 đã tăng so với năm 2017 là 0,24 lần. Điều đó cho thấy khả năng thanh toán nhanh của doanh nghiệp năm 2018 đã được cải thiện so với năm 2017, đây là một dấu hiệu tốt.

+ *Hệ số vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản:*

Hệ số vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản năm 2017 là 0.59 và 2018 là: 0,60. Như vậy vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành đã chiếm trên 50% giá trị tổng tài sản của Công ty. Điều này đánh giá công ty có khả năng tự chủ về tài chính cao.

***Ý kiến thứ hai: Ứng dụng phần mềm kế toán trong công tác ghi chép sổ sách kế toán tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành.***

Tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành, công tác hạch toán kế toán được thực hiện thủ công. Máy tính chỉ dùng để soạn thảo văn bản, kẻ mẫu sổ sách và ứng dụng Excel tính lương trong bảng thanh toán lương, khấu hao TSCĐ hàng tháng. Công việc kế toán sẽ được tổng hợp dồn vào cuối tháng sẽ làm gia tăng công việc phải hoàn thiện, ảnh hưởng đến tính kịp thời của thông tin kế toán. Khi sử dụng phần mềm kế toán, việc kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế tài chính được nhanh chóng, chính xác, kịp thời, tiết kiệm sức lao động mà hiệu quả công việc cao, các dữ liệu được lưu trữ và bảo quản thuận lợi, an toàn hơn.



Vì vậy, Công ty cần quan tâm hơn trong việc đầu tư các phần mềm kế toán cho phù hợp với điều kiện thực tế tại Công ty.

Trong điều kiện hiện nay các phần mềm kế toán có trên thị trường hết sức phong phú và đa dạng như phần mềm MISA SME.NET, phần mềm SAS INOVA, phần mềm FAST, phần mềm METADATA... với nhiều tính năng đầy đủ cho công tác kế toán cùng với đó giá cả của một phần mềm giao động từ 7 đến 10 triệu.

Sau đây, em xin giới thiệu một số phần mềm kế toán thông dụng trên thị trường hiện nay như:

**a, Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2018**

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2018 được thiết kế cho doanh nghiệp nhỏ và vừa gồm 13 phân hệ: ngân sách, quỹ tiền mặt, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, kho, tài sản cố định, tiền lương, giá thành, thuế, hợp đồng, cổ đông và tổng hợp. Với những tính năng nổi bật như lập dự toán ngân sách, kiểm soát chi tiêu, phân tích tài chính, tính giá thành theo các phương pháp khác nhau, in báo cáo thuế kèm mã vạch, thanh toán ngân hàng trực tuyến... Hơn nữa, với phần mềm MISA SME.NET 2018 đã tích hợp sẵn một số mẫu hóa đơn cho phép các doanh nghiệp có thể chỉnh sửa cho phù hợp với đặc thù của đơn vị mình như: chèn thêm hình ảnh, logo, thay đổi màu sắc, font chữ... Phần mềm này còn hỗ trợ đánh số hóa đơn theo đúng quy định của Bộ Tài chính, tránh nhầm lẫn hoặc trùng lặp hóa đơn. Bên cạnh đó phần mềm MISA SME.NET 2018 còn có các chức năng quản lý hóa đơn theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP như hủy hóa đơn, báo mất, hỏng, cháy hóa đơn. Đặc biệt, phần mềm này có tính năng theo dõi hóa đơn và tự động cảnh báo cho người sử dụng biết mình đã in hóa đơn ra chưa và hóa đơn đã được in bao nhiêu lần. Điều này giúp kế toán viên giảm thiểu những sai sót khi in hóa đơn. Dưới đây là giao diện phần mềm MISA SME.NET 2018





### a. Phần mềm kế toán BRAVO

Phần mềm kế toán BRAVO được xây dựng và phát triển trên cơ sở thực tế quản trị - quản lý tài chính của doanh nghiệp và các quy định của Bộ Tài chính cùng với các Chuẩn mực kế toán mới nhất của Việt Nam. Phần mềm kế toán BRAVO không chỉ đáp ứng những yêu cầu quản lý thông thường mà còn cung cấp cho khách hàng các giải pháp quản trị tài chính toàn diện. Với BRAVO các công việc tập hợp và liên kết dữ liệu giữa các bộ phận trong doanh nghiệp được thực hiện một cách nhanh chóng, chính xác, thuận tiện và không bị chồng chéo (dữ liệu được nhập tại một đầu và “một công đoạn của một bộ phận” và sử dụng qua bộ phận với nhiều kết quả báo cáo đầu ra).

Giá bán của phần mềm BRAVO hiện nay trên thị trường là: 7.603.500 đồng. Dưới đây là giao diện của phần mềm kế toán BRAVO:



## b. Phần mềm kế toán FAST

+ Fast Accounting (phiên bản 10.0) là dòng sản phẩm truyền thống của Fast, Fast Accounting cho đến nay đã trải qua nhiều thế hệ khác nhau. Đây là sản phẩm phổ biến nhất đối với doanh nghiệp cũng như sinh viên chuyên ngành tài chính kế toán. Cho đến nay thì phiên bản mới nhất là Fast Accounting 10.0 mang những tính năng nổi bật như: Có thể chạy trên mạng với nhiều người sử dụng hoặc các máy đơn lẻ, tự động hóa xử lý số liệu (tự động phân bổ chi phí bán hàng, chi phí thu mua nguyên vật liệu, hàng hóa...), quản lý số liệu nhằm giúp thuận lợi trong so sánh số liệu giữa các kỳ kế toán, quản lý số liệu của nhiều cơ sở, tiện ích khi nhập số liệu, xem báo cáo trong khi đang nhập số liệu, giao diện bằng hai ngôn ngữ Anh và Việt...

+ Fast Business (phiên bản 3.1): được viết trên ngôn ngữ lập trình VB.NET mục tiêu là các doanh nghiệp lớn. Đây là giải pháp quản trị toàn diện doanh nghiệp với 5 module: tài chính kế toán, quản lý phân phối, quản lý sản xuất, quản lý nhân sự và quản lý mối quan hệ khách hàng.

+ Fast Financial: là dòng sản phẩm trung gian giữa Fast Accounting và Fast Business hướng tới doanh nghiệp vừa và lớn. Tính năng nổi bật của phần mềm này là: cơ sở dữ liệu có sức chứa lớn, khả năng phân quyền và bảo mật rất cao, kết nối online tốt, tính năng quản trị mạnh, thích hợp với doanh nghiệp có nhiều chi nhánh, nhà máy, đơn vị bán hàng.

Giá bán của phần mềm BRAVO hiện nay trên thị trường là: 1.200 USD.

Giao diện của phần mềm kế toán Fast:



#### d. Phần mềm kế toán METADATA ACCOUNTING

Phần mềm kế toán Metadata Accounting được phát triển trên cơ sở phân tích tỉ mỉ, bao trùm hầu hết các phần hành kế toán của nhiều loại hình doanh nghiệp. Với tiêu chí “đơn giản hóa, dễ sử dụng, đáp ứng tối đa nhu cầu quản lý kế toán của doanh nghiệp”, METADATA được đánh giá là phần mềm có hiệu quả cao trong công tác kế toán tài chính – quản trị doanh nghiệp, phù hợp với các loại hình doanh nghiệp: Thương mại, dịch vụ, xây dựng và xây lắp...

Metadata không những đáp ứng yêu cầu cơ bản về quản lý kế toán tài chính của doanh nghiệp mà nó còn cung cấp cho các nhà quản trị các giải pháp quản lý taofn diện, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được cập nhật một lần tại các bộ phận tại các bộ phận kế toán khác nhau như bộ phận quản lý kho, bộ phận bán hàng, bộ phận kế toán... được Metadata Accounting xử lý một cách xuyên suốt, tổng hợp số liệu thành các báo cáo đầu ra.

Phần mềm kế toán Metadata được phát triển trên công nghệ tiên tiến mang tính chuyên nghiệp cao, sử dụng hệ cơ sở dữ liệu Client/Server Interbase/FireBird có thể chạy trên một máy độc lập hay trên mạng nội bộ LAN và Internet, cùng với khả năng lưu trữ và xử lý dữ liệu lớn đáp ứng nhiều người cùng sử dụng một lúc. Phù hợp với tất cả các doanh nghiệp có quy mô lớn nhỏ khác nhau, xa cách về mặt địa lý.

Công ty thực hiện tốt việc áp dụng phần mềm kế toán giúp cải thiện hiệu quả làm việc của công ty cho dù công ty là nhỏ hay lớn. Ngay cả những phần mềm kế toán đơn giản nhất cũng có thể mang lại điều này. Với việc thay đổi về nhu cầu quản lý tài chính của công ty, hoàn toàn có thể nâng cấp lên phiên bản tốt hơn hay mở rộng quy mô ứng dụng. Phần mềm kế toán giúp tối ưu hóa quá trình kinh doanh để có thể quản lý một cách đơn giản và dễ dàng hơn. Hơn nữa, nó dễ dàng chia sẻ dữ liệu cho các chương trình kinh doanh khác và thực hiện các báo cáo phục vụ cho kinh doanh. Bên cạnh đó còn giúp quản lý các đầu mục chi phí một cách hợp lý.

Khi áp dụng phần mềm kế toán giúp cho bộ máy kế toán đơn giản, gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo hoàn thành tốt công việc. Bộ máy kế toán sắp xếp đúng người, đúng việc để đảm bảo các đối tượng được theo dõi một cách chính xác. Từ đó, giúp tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả cho công ty.

## KẾT LUẬN

Sau quá trình thực tập tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành được tiếp xúc, làm quen với thực tế công tác kế toán tại Công ty, cùng với những cơ sở lý thuyết đã học tập, nắm bắt được tại trường lớp, em càng khẳng định thêm việc tổ chức công tác kế toán nói chung, công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính nói riêng có ý nghĩa to lớn và đặc biệt quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của mọi doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

Như vậy, khóa luận với đề tài “Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành” đã nêu được những vấn đề cơ bản sau:

- Về lý luận vấn đề: Đã nêu và hệ thống được những vấn đề cơ bản về công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính trong doanh nghiệp vừa và nhỏ theo TT số 133/2016/TT-BTC.

- Về thực tiễn: Đã phản ánh được thực trạng công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành và đã chứng minh bằng số liệu năm 2018 cho các lập luận đã nêu ra.

- Đối chiếu giữa lý luận và thực tiễn tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành, khóa luận đưa ra những nhược điểm và đề xuất ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty.

Do trình độ hiểu biết còn hạn chế và thời gian thực tập không dài nên trong Bài khóa luận này không tránh khỏi những sai sót. Em rất mong sự góp ý và giúp đỡ của các thầy cô giáo để Bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ nhiệt tình của thạc sỹ **Nguyễn Văn Thụ**, các thầy cô giáo trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng, Ban lãnh đạo và các cán bộ kế toán tại phòng Kế toán của Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành đã giúp em hoàn thành đề tài này.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải Phòng, ngày 03 tháng 01 năm 2020

Sinh viên

*Nguyễn Thị Kim Anh*

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Thông tư 133/2016/TT (2016), *Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp*, Bộ tài chính
4. Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành (2018) *Sổ sách kế toán Công ty*.
5. Các tài liệu khác trên mạng internet.